

PHẦN CHỈ NAM

3

PHÁT THANH HỌC ĐƯỜNG



TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU
BỘ GIÁO-DỤC

1
9
6
6



Phát hành 15.000 quyển

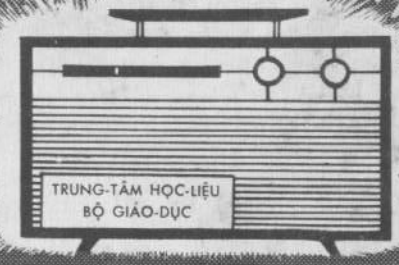
Tháng 12-1966

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân, An Tân, 22031975

PHẦN CHỈ NAM 3

PHAT THANH HỌC ĐƯỜNG

1
9
6
6



Good News

MỤC - LỤC

	Trang
I. LỊCH SỬ TIỀN HOÁ	9
11. Tiếng súng Chi-Lăng	11
12. Gương trung nghĩa (Võ Tánh) Ngô Tùng Châu	14
13. Một nhà nho sáng suốt (Nguyễn Trường Tộ)	19
14. Chết để cứu dân (Phan Thanh Giản)	24
15. Nguyễn Tri Phương	28
16. Lý Thường Kiệt phá Tống bình Chiêm	32
17. Hoàng Diệu	35
18. Phong trào Cần Vương (Hàm Nghi)	39
19. Phong trào Văn Thân (Phan Đình Phùng)	43
20. Hùm thiêng Yên Thế (Hoàng Hoa Thám)	47
II. CỔ TÍCH DANH NHÂN	52
11. Nguyễn Khuyến	54
12. Nguyễn Đình Chiểu	56
13. Bùi Thị Xuân	58
14. Trương Tấn Bửu	60
15. Nguyễn Thiện Thuật	62
16. Phù Đổng Thiên Vương	64
17. Hai Bà Trưng	66
18. Ngô Quyền	68
19. Trần Hưng Đạo	70
20. Trần Bình Trọng	73
III. CHÚNG EM NGHE KỂ CHUYỆN	76
11. Cây trăm hoa	78
12. Cái hũ Thần	81
13. Cái lọ mở	84
14. Tình Anh Em	87
15. Cậu bé hoá Nai	90
16. Cây gậy Thần	93
17. Hoàng tử Bạch Tân	96
18. Mẹ ga con vịt	99
19. Ba ông già lùn I	102
20. Ba ông già lùn II	105

IV. CHÚNG EM VUI HÁT

11. Trăng sáng trắng trong	111
12. Thăng Tý Sún	112
13. Đường đến trường (Thầy cô dẫn)	114
14. Con muỗi đen thui	115
15. Làng em	116
16. Vui cùng vui	117
17. Vui ca núi non sông rừng	118
18. Em yêu ai	119
19. Chiêng, trống công	120
20. Chiều quê	121

V. THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC

11. Giọng hát (đơn ca, hợp ca)	123
12. Đờn độc huyền Việt Nam	125
13. Đờn tranh	127
14. Măng cầm, Bểng cầm	129
15. Tây ban cầm, Hạ-Uy cầm	131
16. Vĩ cầm	133
17. Đờn nhị, Đờn gáo Việt Nam	135
18. Đờn Nguyệt, Đờn Tý Bà	138
19. Nhạc khí bộ nhịp Việt Nam	141
20. Dương cầm	143

CHƯƠNG - TRÌNH					
Lịch-sử Tiền-Hoá	Chúng em nghe kể chuyện	Cờ-tịch và Danh Nhân	Thuồng- thức Âm - nhạc	Chúng em vui hát	Chúng em nghe kể chuyện
N G A Y					
Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
Đ Ề - T A I					
28.II.66 Gia-Long thông- nhất sơn - hã	29.II.66 Người thợ may khôn- ngoan	30.II.66 Lê văn Khôi	01.I2.66 Ông Tiêu Ông sáo	02.I2.66 Thằng Tý-Sún	03.I2.66 Người thợ may khôn ngoan
05.I2.66 Lê-Lợi	06.I2.66 Lòng hiếu-thảo của vua Thuần	07.I2.66 Đoàn thị Điểm	08.I2.66 Ca - dao phò-nhạc và dân-ca đôi mối	09.I2.66 Đường đến trường học Thầy Cô dạy	10.I2.66 Lòng hiếu-thảo của Vua Thuần
12.I2.66 Võ-Tánh và Ngô Tùng Châu	13.I2.66 Cây Trăm hoa	14.I2.66 Nguyễn- Khuyến	15.I2.66 Đặc-tính của dân- ca Bắc Trung-Nam	16.I2.66 Con muỗi đen thui	17.I2.66 Cây Trăm hoa
19.I2.66 Nguyễn- Trường-Tộ	20.I2.66 Cái Hũ-thần	21.I2.66 Nguyễn- đỉnh Chiều	22.I2.66 Đơn-ca Song-ca Hợp-ca	24.I2.66 Làng em	24.I2.66 Cái Hũ - thần
26.I2.66 Phan- thanh- Giản	27.I2.66 Cái Lọ Mỡ	28.I2.66 Bùi thị-Xuân	29.I2.66 Đồn Độc-Huyền Việt-Nam	30.I2.66 Vui cùng vui	31.I2.66 Cái Lọ Mỡ

CHƯƠNG - TRÌNH					
Lịch-sử Tiền-Hoá	Chúng em nghe kể chuyện	Cờ-tịch và Danh-nhân	Thuồng- thức Âm-nhạc	Chúng em vui hát	Chúng em nghe kể chuyện
N G A Y					
Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
Đ Ề - T A I					
02.I.66 Nguyễn- tri Phượng	03.I.67 Cây Khế dơi vàng	04.I.67 Trương- Tân- Bầu	05.I.67 Đồn Tranh và Đồn Koto	06.I.67 Vui ca núi non sống rừng	07.I.67 Cây Khế dơi vàng
09.I.67 Lý thuồng- Kiệt	10.I.67 Tinh Anh Em	11.I.67 Nguyễn Thiện- Thuật	12.I.67 Măng Cầm và Băng Cầm	13.I.67 Em yêu ai ?	14.I.67 Tinh Anh Em
16.I.67 Hoàng- Diệu	17.I.67 Cậu bé hoá Nai	18.I.67 LỄ THÍCH CA	19.I.67 Tây ban Cầm Hạ-Uy-Cầm	20.I.67 Chiêng Trống Cồng	21.I.67 Cậu bé hoá Nai
23.I.67 Vua Hàm-Nghị	24.I.67 Cây Gậy thần	25.I.67 Phù-Dồng Thiên Vương	26.I.67 Cây đàn Vĩ cầm	27.I.67 Chiêu quế	28.I.67 Cây Gậy thần
30.I.67 Phan- đỉnh Phùng	31.I.67 Hoàng-tử Bạch-Tân	01.2.67 Hai Bà Trưng	02.2.67 Đồn Nhị Đồn Gáo Việt-Nam	03.2.67 Trăng sáng Trăng trong	04.2.67 Hoàng-tử Bạch-Tân

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH HỌC ĐƯỜNG

Y-KIỆN GIÁO-VIÊN

Đề tài phát thanh _____

Loại : _____ Ngày phát thanh : _____

Lớp : _____ Số học sinh tham dự : _____

Loại máy thu thanh : _____ Đài phát thanh : _____

1 - Nghe có rõ không : Rõ ràng _____ Không rõ ràng _____

2 - Nội dung : Đơn giản _____ Phong phú _____ khó quá _____

3 - Diễn xuất : Chậm quá _____ Vừa nghe _____ mau quá _____

4 - Tài liệu : Ít quá _____ Vừa đủ _____ nhiều quá _____

5 - Ngủ vụng : Dễ hiểu _____ Đúng _____ Khó quá _____

6 - Nhạc và âm thanh đệm : thích ứng _____

không thích ứng _____

7 - Phản ứng học sinh : Thích _____ Thờ ơ _____

không thích _____

Có nhận được Phấn Chỉ-Nam trước khi phát thanh
không : Có _____ Không _____

Đề nghị của giáo viên : _____

Tên họ giáo viên : _____

Trường : _____

Tỉnh : _____

Chú thích : Xin quý vị giáo chức coi theo "Mẫu ý kiến" này
sao lại và phê bình gửi về Trung-Tâm Học-Liệu, 240 Trần
Binh-Trọng Saigon.

CÁCH THEO DÕI
CHƯƠNG-TRÌNH PHÁT-THANH HỌC-ĐƯỜNG

- : -

Phát thanh Học-đường là phát thanh những
bài học dưới sự hướng dẫn của giáo-viên phụ-trách.
Sự hướng-dẫn này rất quan-trọng, vì thiếu nó, phát-
thanh học-đường sẽ không là phát-thanh học-đường nữa.

Muốn theo dõi chương-trình phát-thanh học-
đường một cách hữu-hiệu các bạn giáo-chức nên chuẩn-
bị những điều sau đây :

1. Sửa soạn ở nhà : Đọc kỹ phần Chỉ-Nam này, và cố-
gắng làm theo những lời chỉ dẫn.
 - * Sưu tập hay cho học sinh sưu-tập những tài-liệu
hình ảnh liên-quan đến chương-trình phát-thanh.
 - * Nhổ mang máy Radio vào lớp.

II. Trước khi phát thanh :

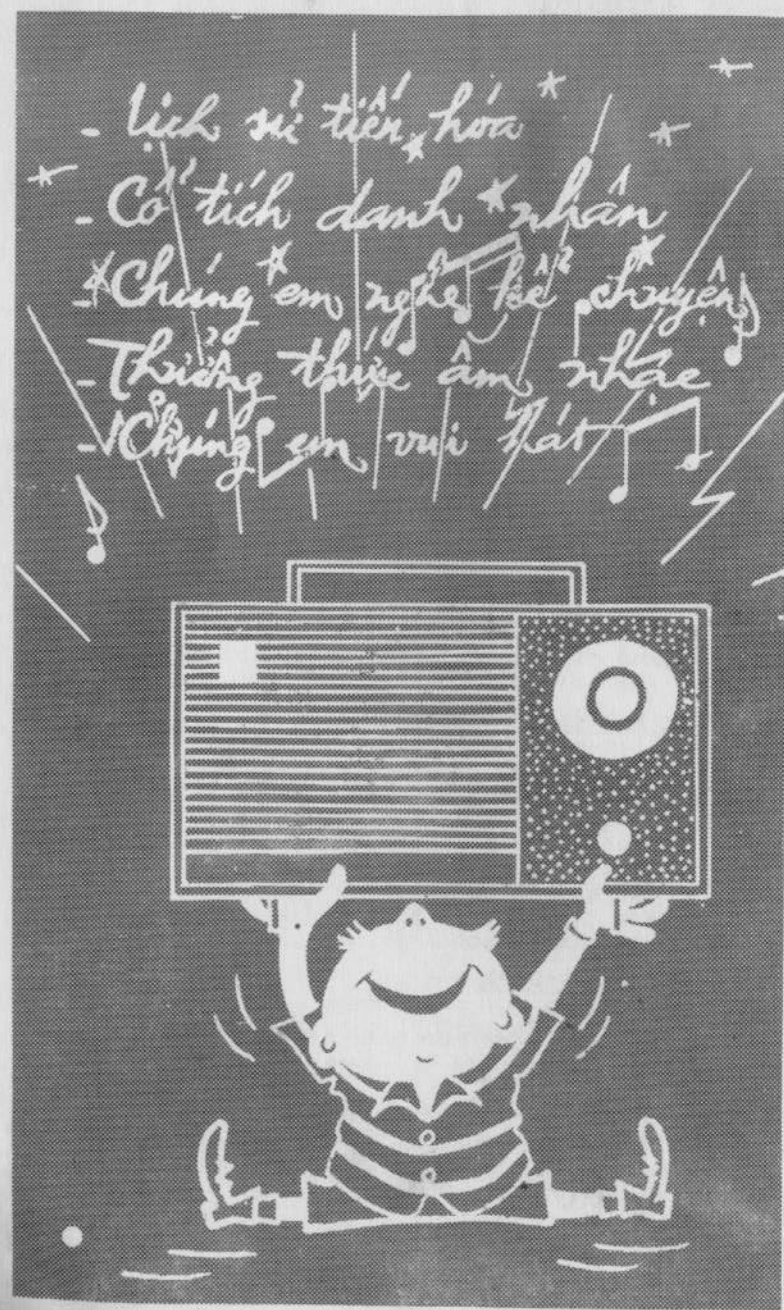
- a) Cho học sinh vào lớp 10 phút trước giờ
phát-thanh.
- b) Làm theo những điều chỉ dẫn trong tập Chỉ-
Nam (giáo-viên có thể tùy tiện thêm hoặc bớt)
- c) Nên vặn Radio và tìm đúng đài 5 phút trước
giờ phát thanh.
- d) Nhổ đề "volume" thật thấp, chờ đúng giờ hãy
vặn to lên.

III. Trong khi phát thanh :

- a) Giáo-viên nên theo dõi chương-trình với học-
sinh.
- b) Vì phát-thanh học-đường không thể thay thế
giáo-viên được, cho nên trong khi phát-thanh
giáo-viên tránh làm những việc khác như :
viết, đọc sách báo, hay ra ngoài lớp nói
chuyện với người quen.
- c) Nên tập cho học sinh không ghi chép trong
khi phát thanh.

IV. Sau khi phát thanh :

- a) Trong lớp
Cố gắng làm theo hoặc hơn những điều chỉ-
dẫn trong phần Chỉ-Nam.
- b) Ngoài lớp
Thảo-luận về chương-trình đã phát-thanh với
những bạn đồng-nghiệp đã theo dõi chương-
trình; và nếu tiện, gửi ý kiến và đề-nghị về
Sở Học-Liệu.



1. CHƯƠNG TRÌNH :

LỊCH SỬ TIẾN HOÁ

Bài số :

11. Tiếng sấm Chi-Lăng
(LÊ-LỢI)
12. Giương Trung nghĩa
(VÕ TÁNH và NGÔ TÙNG CHÂU)
13. Một nhà nho sáng suốt
(NGUYỄN TRƯỞNG TỌ)
14. Chết để cứu dân
(PHAN THANH GIẢN)
15. Nhịn đói chịu đau mà chết
(NGUYỄN TRI PHƯƠNG)
16. Phạt Tống bình Chiêm
(LÝ-THƯỜNG-KIỆT)
17. Thả chết chó không bỏ thành
(HOÀNG - DIỆU)
18. Phòng trào Cấn-Vương
(VUA HAM NGHI KHÁNG CHIẾN)
19. Phong trào Văn-Thân
(PHAN ĐÌNH-PHỤNG)
20. Hùm Thiên Yên-Thê
(HOÀNG HOA THẨM)

Phụ-trách Chương-trình :

Nguyễn-văn-Gỗ

Lê-Minh-Dức.

Họa-sĩ : CHI-MAI

QUÁCH-PHƯỚC



CHỈ - NAM

(1)

Đề-tài : TIẾNG SÂM CHI LANG
Lê-Lợi

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

a) Học-liệu : Địa đơ Bắc-Việt và Nam Trung-Hoa, ghi rõ các địa-danh như : Chi-Lăng, Đông Đô, Tuy-Dộng, Ba-Lục và các đường tiên quân của quân nhà Minh.

b) Ý-chính :

- Nếu mọi người đều lười biếng thì không làm nên được việc gì.
- Lòng cương quyết chiến đấu chống quân Minh của Bình-Dịnh Vương và các tướng.
- Tài trí của Lê-Lợi.
- Sự khinh địch làm cho Liễu-Thăng thất trận.

c) Giới thiệu câu chuyện :

Sau gần 10 năm chiến đấu chống quân Minh Bình Định Vương (Lê-Lợi) khôi-phục được một phần lãnh thổ. Tướng nhà Minh là Vương Thông thua ở Tuy-Dộng chạy về Đông-Đô thì bị quân ta bao vây. Vua Nhà Minh liền sai Liễu-Thăng và Mộc-Thạnh đem 10 vạn quân chia làm 2 đường tiến sang nước ta để tiếp viện cho Vương-Thông. Bình-Dịnh-Vương cũng vội vàng thảo-

luận kế hoạch phá giặc.

d) Các từ ngữ khó :

- Ba Lụy : Tên ả Nam Quan ngày xưa
- Cửu binh như cửu hoả : Tiếp viện phải nhanh chóng.
- Nô lệ : mất hết tự do, phải tùy thuộc vào kẻ khác hay một vật gì.
- Nam man : ám chỉ dân Việt, gọi với tính cách khinh bỉ.
- Cùng khấu : bọn giặc bị quân-bách, ý quân Minh bị thua trận.
- Thần võ : thông minh và uy-vũ, ý chỉ vua Lê-Lợi
- Mặt xám, mây xanh : ý nói sự sệt.

e) Các vai :

- Vua Lê-Lợi
- Lê Sát
- Liễu-Thăng
- Quân báo 1 và 2

II. TRONG KHI PHÁT THANH :

- a) Theo dõi các diễn biến của vở kịch
- b) Chỉ các địa danh khi nghe đến
- c) Tìm phản ứng của học sinh khi :
 - 1. Tên quân báo bỏ đi.
 - 2. Bình Định Vương muốn hàng
 - 3. Liễu-Thăng mắc kế quân ta.

III. SAU KHI PHÁT THANH

- a) Hỏi lại các từ ngữ khó, các địa danh
- b) Câu hỏi kiểm soát :

1. Bình Định Vương Lê-Lợi khởi nghĩa ở đâu, lúc nào ?
2. Từ năm 1424, Lê-Lợi chiếm được phần đất nào ?
3. Ai bị vây ở Đông Lộ ?
4. Vua nhà Minh sai ai dẫn binh tiếp viện cho Vương-Thống ?
5. Tướng giữ ả làm gì khi hay tin quân Minh kéo sang tiếp viện ?
6. Bình-Định-Vương đối phó với Liễu-Thăng ra sao ?
7. Liễu-Thăng là người tính tình như thế nào ?
8. Tại sao Liễu-Thăng bị chém ở núi Mã-Yên ?
9. Mộc-Thành hay tin Liễu-Thăng thất trận thì làm gì ?
10. Sau trận Chi-Lăng, nước ta ra sao ?

c) Hoạt động của lớp :

1. Cho học sinh thuật lại 1 phần câu chuyện.
2. Kể chuyện lại vui giữa 2 tên quân báo.
3. Tập hát bài Ai-Chi-Lăng (nếu giáo viên có bản nhạc.)



Đề-tài :

GƯƠNG TRUNG NGHĨA

(VÕ TÁNH và NGÔ TÙNG CHÂU)

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

a) Học-Liệu : Bản đồ Việt-Nam có ghi rõ địa danh : Gia-định, Bình-định (Qui-Nhơn), Phú Xuân.

b) Ý-chính :

- * Nêu cao gương trung nghĩa của Võ-Tánh và Ngô Tùng Châu.
- * Đề cao tinh thần thượng-vô của Trần-quang-Diệu.

c) Giới thiệu câu chuyện :

Nguyễn-Vương 2 lần mang quân ra đánh Qui-Nhơn nhưng đều thất bại. Mãi đến năm Kỷ-Mùi (1799), thấy tình thế Tây-Sơn suy-yếu, Nguyễn-Vương liền dồn hết lực lượng ra đánh Qui-Nhơn lần thứ ba. Thành này bị vây hãm nhiều ngày phải đầu hàng, Nguyễn-Vương đổi tên Qui-Nhơn lại là Bình Định và giao phó cho Võ-Tánh, Ngô-tùng-Châu giữ, rồi lại kéo quân về Gia-Định.

Võ kịch này giới thiệu lại giai-đoạn lịch-sử Tây-Sơn chiếm lại thành Bình-Định và làm sống lại gương trung nghĩa của Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu.

d) Từ ngữ khó :

- Kế-hoạch : mưu định, chương trình làm việc có phương pháp từ trước
- Sứ mạng : nhiệm vụ thiêng liêng coi như mệnh lệnh trời trao cho; ở đây ý nói lệnh của vua ban.
- Chỉnh đốn : sửa soạn, sắp đặt lại.
- Hát khúc khai hoàn : ca bài thắng trận
- Súng hoả mai : loại súng ngày xưa phải dơn thuốc súng vào nòng rồi châm lửa đốt mới nổ.
- Suôi vàng : âm phủ, nơi linh hồn người chết ở
- liệt sĩ : người có khí tiết, trọng-dại nghĩa, xem nhẹ cái chết.
- khâm liệm : hai lần vải bọc thi thể người chết lớp vải ngoài là khâm, lớp vải trong là liệm)

e) Các vai trong vở kịch :

1. Võ-Tánh
2. Ngô-Tùng-Châu
3. Trần quang-Diệu và một số quân sĩ

II. TRONG KHI PHÁT THANH

- a) Theo dõi bài phát thanh và khuyến-khích học-sinh tham-gia.
- b) Dùng thước dài chỉ các địa-danh trên bản đồ hoặc tên nhân-vật khi nghe đến.

- c) Theo dõi phản ứng của trẻ em giải-đáp các thắc mắc (nếu cần) sau khi phát thanh.

III. SAU KHI PHÁT THANH :

- a) Nhắc lại các từ ngữ khó
- b) Hỏi và giải đáp thắc mắc của học-sinh (nếu có)
- c) Câu hỏi kiểm soát :
 1. Thành Qui nhơn, sau khi lọt vào Nguyễn-Vương được đổi tên là gì ?
 2. Nguyễn-Vương sai ai trấn giữ thành Bình-Định khi rút binh về Gia-định?
 3. Biết trước Tây-Sơn sẽ phục thù, Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu đặt kế-hoạch giữ thành ra sao ?
 4. Quân-Tây Sơn do ai thông lĩnh để tái chiếm Bình-Định ?
 5. Quân-Tây-Sơn có chiếm ngay được thành không ? Tại sao ?
 6. Thừa lúc quân Tây Sơn vây thành Bình-Định, Nguyễn-Vương dẫn quân lên đánh nơi nào ?
 7. Quân Tây Sơn có chiếm được thành Bình-Định không ?
 8. Số phận Võ-Tánh ra sao ?
 9. Còn Ngô-Tùng-Châu thế nào ?
 10. Trò nghĩ gì về thái-độ của Trần-quang-Diệu đối với tin Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu tử-tiết.

d) Hoạt động của lớp :

1. Thảo-luận về khí-tiết của Võ-Tánh Ngô-Tùng-Châu và Trần-Quang-Diệu.
2. Trò chơi liệt-kê tên nhân-vật; không được kể trùng với tên đã kể trò nào chậm thì thua.
3. Có thể cho học-sinh kể lại câu chuyện hoặc đóng kịch (nhờ gửi thư xin văn bản theo địa-chỉ : Trung-Tâm Học-Liêu, 240 Trần-bình-Trọng Saigon)

Đề-tài :

MỘT NHÀ NHO SÁNG SUỐT

Nguyễn-trường-Tộ

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

- a) Học(Liêu : Bản đề thi-giỏi có tô-dậm màu phần Âu-Châu.
- b) Y-chính :
 - * Áp dụng cho bài lịch-sử về Nguyễn-Trường-Tộ
 - * Dùng đề khơi ý để giải-thích câu : "Nuôi ông tay áo, nuôi khí dờm nhà" (Luận văn)
 - * Dùng đề khơi ý cho bài Địa-Lý dạy về "Nông-nghiệp" hay bài Cách Trĩ về "Cách bốn phần".
- c) Giới-thiệu câu chuyện :

Nguyễn-Trường-Tộ, người làng Bùi-Chu, tỉnh Nghệ-An, nho học uyên thâm, theo đạo Thiên-Chúa. Thấy Ông là người thông-minh, lúc Giám-mục Ngô-Gia-Hậu cho Ông đi du-học qua nước Pháp và nhiều nước khác ở Âu-Châu. Nhờ thế, Ông hiểu rộng, thấy xa, Biết rõ sự giàu mạnh của nước các nước Âu-Mỹ. Khi về nước, Ông đem những điều đã quan sát, thảo thành "Bản điều trần" dâng lên vua

vua Tự Đức đề xin canh tân nước nhà. Tiếc thay nhà vua nghe theo lời dèm pha của các quan nên không chịu thi-hành bản điều-trăn, Nguyễn-Trường-Tộ buồn rầu, đau rơi chết. Nước ta cũng vì thế mà mất một dịp cải-tiến theo đả văn-minh của thê-giới.

d) Các từ ngữ khó :

- Bản điều-trăn : bản văn bày tỏ các việc từng khoản cho rành rẽ (ở đây ý nói ghi các điều Ông Nguyễn-Trường-Tộ muốn cải-cách nước nhà cho tiên-bộ)
- Canh tân : đổi mới
- Công : tước thứ nhất trong năm tước quan ngày xưa. : công, hầu, bá, tử, nam.
- võ bị : sắp đặt, chuẩn-bị về quân-sự
- Bình pháp : phép dùng binh (cách thức điều khiển quân sĩ)
- Bề quan, toả cảng : đóng cửa lại, khoá của biên, ý nói không thông-thương không giao thiệp với xã người.
- Đặng tạo hoá : đặng sinh ra muôn vật, còn gọi là Hoá-công.
- Chỉ sĩ : kẻ có chí khí, tiết tháo hơn người.

e) Các vai trong vở kịch :

1. Tự Đức
2. Nguyễn-Trường-Tộ.

3. Quan văn

4. Quan võ

II. TRONG KHI PHÁT THANH

- a) Theo dõi các diễn biến của vở kịch (khuyến khích học sinh)
- b) Dùng thước dài chỉ các địa-danh trên bản đồ hay tên nhân vật khi nghe đến
- c) Tìm phản ứng của trẻ đề giải-dáp các thắc mắc sau khi phát thanh (nếu có)

III SAU KHI PHÁT THANH

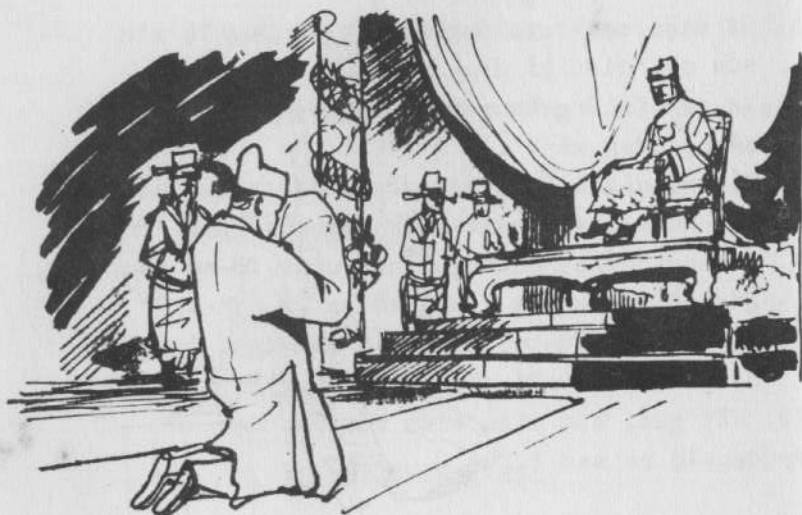
- a) Hỏi lại các từ ngữ khó, các địa danh
- b) Câu hỏi kiểm soát :

1. Đại ý vở kịch muốn thuật lại điều gì ?
2. Hãy nói lại tâu-sử của Nguyễn-Trường-Tộ ?
3. Nguyễn-Trường-Tộ dâng bản điều-trăn lên vua Tự-Đức đề làm gì ?
4. Về việc cai-trị, Ông Nguyễn-Trường-Tộ xin sửa đổi điều gì ?
5. Về võ-bị, Ông Nguyễn-Trường-Tộ đề-nghị cải-cách những gì ?
6. Các quan khác dựa vào cớ gì đề chống lại việc xin rước thầy ngoại-quốc dạy cho quân đội ta?
7. Về học-chánh, Ông Nguyễn-Trường-Tộ có xin sửa đổi gì không ? Hãy kể ra ?
9. Vì sao vua Tự-Đức nổi giận khi nghe Ông Nguyễn-Trường-Tộ xin cải cách việc canh-tác?
10. Kết quả, bản điều-trăn của Ông Nguyễn-Trường-Tộ ra sao ?

c) Hoạt động của lớp :

1. Thảo-luận về thái-độ của vua quan ta thời Tự-Dức.
2. Tìm hiểu ý nghĩa câu : "Thực-trạng của xã hội nước ta hiện nay không như Ngài thấy, mà chính là 2 con trâu đang kéo 1 lưỡi cày. Nay kẻ sĩ này muốn bắt 1 con trâu để mắc vào lưỡi cày thửa đang nằm sết rí kia."
3. Bình luận câu : "Nuôi ông tay áo, nuôi khí dờm nhà".

GHI CHÚ : Nếu muốn học sinh đóng lại đoạn kịch này, xin biên thư về Trung Tâm Học-Liệu - 240 Trần-Bình-Trọng Saigon để xin văn-bản.





Đề-tài :

CHẾT ĐỂ CỨU DÂN

(PHAN-THANH-GIẢN)

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH :

- a) Học-Liệu : Các tỉnh miền Nam có ghi rõ trên bản đồ như : Saigon, Mỹ-Tho, Vĩnh-Long; An-Giang, Běntre, Trà-Vinh
- b) Y-chính :
 - * dạy bài sử ký
 - * dạy trẻ về đức-dộ và lòng can-đảm của cụ Phan-Thanh-Giản.
 - * dạy cho trẻ biết sự chiến đấu thủ độc của sĩ-tử ngày xưa.
- c) Giới thiệu câu chuyện :

Nhận thấy quân Pháp đã lấy 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ rơi mà còn lấy luôn cả 3 tỉnh miền Tây Nam-Kỳ (Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên) nên Phan-Thanh-Giảng thấy mình không thể chống lại quân xâm lăng, nên đành phải trả áo mào lại cho vua, rồi nhịn ăn mười bảy ngày, sau đó sức cùng lực kiệt, nên cụ Phan-Thanh-Giản uống độc dược tự tử, để giữ tròn tiết-tháo của một sĩ-tử yêu nước. Trước khi nhắm mắt, Cụ Phan-Thanh-Giản

trần-trời dận dò con cháu sau này không được ra làm tay sai cho quân Pháp, mà bắt con cháu phải tiếp tục chiến-dấu chống Pháp.

d) Từ ngữ khó :

- Minh quân : Ông vua công-minh (công bằng và sáng suốt)
- lượng hải hà : khoang hồng rộng như sông biển
- Tuyệt-vọng : mất hết hy vọng
- Vật gia-phả : cuốn sổ ghi về thế-thức và sự tích của một họ.
- Trung quân : Bầy tôi hết lòng ngay thật với vua

e) Các vai trong vở kịch :

- 1 gia nhân của Phan-Thanh-Giản
- Một người bạn già
- Phan-Thanh-Giản
- Phan-Tồn
- Phan-Hương và cháu chít.

II TRONG KHI PHÁT THANH :

- a) Theo dõi diễn-biến của vở kịch :
- b) Cho học sinh dùng giấy ghi lại các từ-ngữ nào không hiểu hoặc các địa-danh đề sau khi nghe mà giải-đáp cho chúng.

III SAU KHI PHÁT THANH :

- a) Nhắc lại từ ngữ khó.

- b) Giáo-chức nói về ý-nghĩa cái chết của Phan-Thanh-Giản để gây sự phản uất của trẻ đối với quân thù.

c) Câu hỏi kiểm soát :

1. Phan-Thanh-Giản ký hoà ước với Pháp để chuộc 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ vào năm nào?
2. Kể tên 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ ?
3. Phan-Thanh-Giản sang Pháp để làm gì ?
4. Tại sao quân Pháp lấy luôn 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ ?
5. Phan-Thanh-Giản thấy Pháp lấy 6 tỉnh Nam-Kỳ, rồi ông làm gì ?
6. Ông trời lại với con ông những gì ? kể ra?

Đơ-tải :

NHỊN ĐÓI CHỊU ĐAU MA CHẾT

Nguyễn-tri-Phượng

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH :

a) Học-Liệu :

- * Hình vẽ hoặc địa-đơ có ghi rõ sông Nhị-Hà ăn thông từ Vân-Nam ra vịnh Bắc-Việt (có trong địa đơ sông ngòi Việt-Nam) có ghi các tỉnh như Thừa-Thiên Hà-Nội.

b) Giới thiệu câu chuyện :

* Ông Nguyễn-Tri-Phượng, sanh năm 181800 tại Chi-Long, huyện Phong-Điện, tỉnh Thừa-Thiên, là một danh tướng dưới triều Nguyễn. Ông làm quan ba đời : Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự Đức; có công đánh Chân-Lập, Xiêm-La và từng ra Bắc-Kỳ tiêu trừ giặc Nùng, Cai-Vàng. Đến đời Tự-Đức, nhân việc tên lái buôn Jean Dupuis ngang nhiên dùng đường sông Nhị-Hà để sang Vân-Nam buôn bán, ông Nguyễn-Tri-Phượng được cử ra Hà-Nội để giải-xếp nhưng việc bất thành. Quân Pháp do sĩ-quan Francis Garnier tấn công thành Hà-Nội thất thủ, Nguyễn-tri-Phượng bị thương nặng nhưng không chịu băng bó vết thương và nhịn ăn mà chết.

c) Các từ ngữ khó :

- Thất thủ : không giữ được
- Phò mã : rể của vua
- Cảnh cáo : báo cho biết trước để sửa đổi hay dự phòng.
- Tông phạm : người trợ giúp kẻ phạm-luật, ý chỉ các tên lái-buôn cùng đi với Đơ-Phổ-Nghĩa.
- Tuyên-chiến : Nói rõ cho biết là sẽ đánh.
- Chân tướng : tướng mạo thật, ở đây nói về ý định thôn-tính Bắc Kỳ của Francis Garnier
- Bề quan, toả cảng : Đóng cửa ải, khoá cửa biên, ý nói không thông thương, không giao-thiệp với nước ngoài.
- Chông : thanh tre hay sắt dùng để ngăn chặn lối đi (dầm lên sẽ bị thương)

d) Các vai trong vở kịch :

1. Nguyễn-Tri-Phượng
2. Phò Mã Nguyễn-Lâm
3. Hữu tham tri Bộ Binh Phan-dinh-Bình
4. Quân báo.

II. TRONG KHI PHÁT THANH

a) Theo dõi vở kịch.

- b) Ghi các tên người và địa danh (nếu cần) như : Hà Nội, Trường Thi, Garnier, Đơ-Phồ-Nghĩa, Nguyễn-Tri-Phương, Nguyễn-Lâm, Phan-giờ-Bình.
- c) Ghi chú ngày 15.10.1873 (ta mất thành Hà-Nội)
- d) Theo dõi học sinh, tìm các thắc mắc của chúng để giải đáp sau đây.

III SAU KHI PHÁT THANH :

- a) Hỏi các thắc mắc của học sinh và giải đáp.
- b) Câu hỏi kiểm soát :
 - 1. Tại sao Ông Nguyễn-Tri-Phương phải ra Hà-Nội ?
 - 2. Đơ Phồ Nghĩa phạm luật gì ?
 - 3. Quan ta đối xử với hắn ra sao ?
 - 4. Tại sao ta phải nhờ sứ phủ Saigne can thiệp ?
 - 5. Francis Garnier ra Bắc có lo giải quyết vụ Đơ-Phồ-Nghĩa không ?
 - 6. Vậy Francis Garnier làm gì ?
 - 7. Quan ta có chịu cho bọn thực-dân Pháp khuyến-trưởng việc buôn bán không ?
 - 8. Cuối cùng, việc gì xảy ra ?
 - 9. Thành Hà-Nội thất thủ ngày nào ?
 - 10. Ông Nguyễn-Tri-Phương ra sao ?
- c) Sinh hoạt của lớp :

1. Thảo-luận về việc "bề-quan tòa cảng" có hợp lý không ?

2. Thuật lại tiểu-sử Ông Nguyễn-Tri-Phương

3. Tìm hiểu ý nghĩa câu : "Cha mong rằng dân tộc sẽ sớm thấy ánh bình minh, thoát khỏi sự nô-lệ ngoại-bang".

(Nếu cần văn bản xin biên thư về 240, Trần-Bình-Trọng Saigon)



Đồ-tài :

PHẠT TÔNG BÌNH CHIÊM
Lý-thường-Kiệt

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH :

a) Học-Liệu : Địa đơ Nam-Trung-Hoa và Bắc-Việt ghi rõ các địa danh : Khâm-Châu, Ung-Châu, Liêm Châu, Bắc-Ninh, sông Như-Nguyệt (có trong sách sử ký)

b) ý-chính :

* Nêucao công nghiệp của Ông Lý-Thường-Kiệt, nhất là tài-trí của Ông ấy.

* Cách học tập sao cho có kết quả tốt.

c) Giới-thiệu câu chuyện :

Người chị kể lại cho em nghe công-nghiệp của Ông Lý-Thường-Kiệt : Đánh nhà Tống, bình-định Chiêm-Thành... và dạy cho em cách học bài sao cho có kết quả.

d) Các từ ngữ khó :

- đội trực nhật : nhóm học sinh có phận sự coi sóc trong ngày và lo cả về trật tự

- Công thân : Bầy tôi có công với vua, với nước.

- Nguyên-soái : người cầm đầu các tướng-

- Nam tiên : tiên về phía Nam, ý nói việc mở mang bờ cõi về phía Nam.

e) Các vai :

- Lý-Thường-Kiệt
- Quân 1 và 2
- Chị hai
- Tèo.

II. TRONG KHI PHÁT THANH :

a) Theo dõi lời của người kể chuyện và chỉ các địa-danh khi nghe đến.

b) Tìm phản-ứng của học sinh khi :

1. Tèo bị xếp hạng 25 mà bảo là đúng nhứt.

2. Chị hai chỉ cách học-bài.

3. Quân-sĩ nào loạn và tin ma quái hiện ở đền Trương-Hát.

III. SAU KHI PHÁT THANH :

a) Hỏi lại các từ ngữ khó, các địa-danh

b) Câu hỏi kiểm soát :

1. Tèo làm gì mà được thưởng ly nước chanh?

2. Tại sao trò ấy lại bị xếp hạng 25?

3. Biết nhà Tống chuẩn-bị xâm lăng nước ta, vua Lý Nhân-Tôn làm gì ?

4. Quân ta có chiến thắng được không?

5. Đề phục thù, vua nhà Tống sai ai đem quân sang đánh nước ta ?

6. Lân nầy quân Tống hợp sức với

7. Ông Lý-Thường-Kiệt chặn được quân Tống ở đâu ?
8. Sự quân sĩ nản lòng, ông Lý-Thường-Kiệt bày kế gì ?
9. Kết quả của mưu kế ấy ra sao ?
10. Còn việc "bình-chiến" của Ông Lý-Thường-Kiệt như thế nào ?

1 D8 vui :

- * Công thần Hậu Lý là ai ?
Bình-Chiến , Phạt tống còn ghi su
vàng. (tên người)
- * Nực cười châu châu đá xe
Tuồng là châu ngã, ai ngờ xe nghiêng
(Chỉ chiến công nào đời hậu Lý)
- 2. Thảo-luận về việc học-bài Sử-Ký
sao có kết quả tốt.



THA CHẾT CHỜ KHÔNG BỎ
THÀNH
Hoàng-Diêu

a) Học-Liệu : Địa đư Việt-Nam có ghi rõ vùng Nam Kỳ, Văn Nam, Hà Nội, Lào-Kay, sông Nhị, Núi Nùng

* Vạch rõ sự đê hèn, đầu hàng nhục nhã của bọn Tôn-Thất-Bá, Đê-Độc Lê-Trình, Bồ chánh Phan văn Tuyên...

Sau khi chiếm trọn Nam kỳ, người Pháp còn chưa thỏa lòng, họ tìm mọi cách gây bất hoà với triều-đình ta hầu thôn-tính cả miền Bắc để đặt nên Đô hộ trên toàn cõi Việt-Nam. Mượn cớ bảo-vệ sinh-mạng và tài-sản của người Pháp buôn bán ở Vân-Nam, ngày mùng 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ (1882), Đại-Tá Henri-Rivière đưa hai chiến thuyền cùng mấy trăm lính ra Bắc-kỳ. Thâu hiệu âm mưu của thực-dân Pháp, Tổng đốc Hoàng-Diệu cho quân-sĩ phòng-vệ thành Hà-Nội và cương-quyết cự địch đến cùng. Võ-kịch này

lâm sông lại giai-đoạn lịch-sử lúc quân Pháp chiếm Bắc-kỳ lần thứ nhì.

d) Các từ ngữ khó :

- Xâm lăng : xâm phạm và lấn lướt đất đai hay quyền hạn bằng võ-lực.
- Tuần-phủ : một chức quan xưa cai-trị một tỉnh lớn hay nhiều tỉnh nhỏ (Thí-dụ : Tổng-Đốc Luồng-Quảng)
- Ám sát : chức chánh Án hàng tỉnh xưa
- Bồ-chính : Chức quan thuở xưa lo về thuế vụ, dưới quyền viên Tổng Đốc.
- Tối hậu thư : cái thư cuối cùng gửi cho đối-phương buộc trong một thời gian nhất định (thường là rất ngắn) phải trả lời, nếu không thì sẽ dùng biện-pháp quyết-liệt.
- Ngoan-cô : buồng bình, cô chấp, không chịu thay đổi.
- Xung kích : xông vào mà đánh.
- cờ-truyền : từ xưa truyền lại.

e) Các vai trong vở kịch :

- Hoàng - Diệu
- Lê-Trinh
- Hoàng-hữu-Xung
- Tôn-Thất-Bá và một số vai phụ (quân sĩ)

II. TRONG KHI PHÁT THANH

- a) Theo dõi các diễn-biến của vở kịch
- b) Dùng thước dài chỉ các địa-danh trên bản-đồ và hình-ảnh trên bảng hoặc tên nhân vật khi nghe đến.
- c) Khuyến-khích học-sinh ghi chú (nếu cần)
- d) Tìm phản-ứng của trẻ đề giải-đáp các thắc mắc sau khi phát thanh (nếu có)

III. SAU KHI PHÁT THANH

- a) Hỏi lại các từ ngữ khó, các địa-danh
- b) Câu hỏi kiểm-soát về vở kịch:

1. Người Pháp mượn cớ gì để đem quân ra Bắc lần thứ nhì ?
2. Người được Pháp cho chỉ-huy chiến thuyền và quân sĩ ra Bắc là ai ?
3. Thành Hà-Nội lúc ấy do những ai cầm đầu trấn giữ ?
4. Henri-Rivière phản-ứng ra sao khi vào thành Hà-Nội thấy Hoàng-Diệu đặt quân sĩ trong tình trạng báo động ?
5. Trong tối hậu thư, quân Pháp đòi ta phải làm gì ? Kết quả ra sao ?
6. Hoàng Diệu có chịu các điều kiện của Pháp không ?
7. Khi quân Pháp tấn công, Hoàng Diệu sai Tôn-Thất-Bá ra ngoài thành làm gì ? Kết quả ra sao ?

8. Thấy thành sắp thất-thủ, Hoàng-Diệu viết thơ
thơ cho ai và muốn bài tỏ điều gì ?
9. Hoàng-Diệu ra sao khi thành Hà-Nội thất-thủ?
10. Trò cổ cảm-tưởng gì sau khi nghe vở-kịch
này ? (Hỏi nhiều trò)

c) Sinh hoạt của lớp :

1. Thảo-luận về Thái-dộ của Tôn Thất-Bá, Hoàng-
Diệu trước sự xâm lăng của quân Pháp ?
2. Trò chơi hoạt-động Thanh-niên "Liệt kê tên
các địa danh nghe trọng vở-kịch". Toán nào
kê đầy đủ và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.



Đề tài :

PHONG TRAO CẦN VƯƠNG

(VUA HÀM - NGHI)

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH :

a) Học-Liệu : Địa đồ Việt-Nam có ghi rõ các địa danh : Âu-Sơn, Huê, Bình-Thuận, Quảng-Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

+ Địa đồ thế-giới, đánh dấu quốc-gia Algérie.

+ Tranh ảnh về người Mường

b) Giới thiệu câu chuyện :

Khi vua Kiên-Phúc mất, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết tự ý lập hoàng-tử Ung-Lịch lên làm vua hiệu là Hàm-Nghi. Thấy thế, người Pháp liền bắt lời triệu đình ta về việc này và buộc phải chịu quyền bảo-hộ.

Trước thái-độ khinh mạng ấy, đêm 25.5. Ất Dậu, quân ta đánh toà Khâm-sứ và đồn Mang-Cá. Sáng hôm sau Pháp phản công, ta thua chạy, thành thất thủ. Thuyết đem vua Hàm-Nghi chạy ra Tân-Sở rồi Quảng-Bình cầm đầu cuộc kháng chiến. Còn Tường được lệnh ở lại, sau lại ra hàng người Pháp. Võ-kịch này giới-thiệu lại giai-đoạn kháng-chiến của

nghĩa quân Cần-Vương chống thực dân Pháp.

c) Các từ ngữ khó :

- sĩ phu : người có ăn học, kẻ trí-thức
- hịch : bài văn trách mắng, biểu dụ hay hiệu triệu. dân chúng.
- Cần vương : hết lòng, hết sức với vua : Trung thành với vua.
- Thái-hậu : mẹ vua
- đấu thú : thú tội và đấu hàng.
- Cận vệ : tướng hầu gần vua
- bản doanh (đình) nơi đóng của tổng tư lệnh,
- các tướng soái và bộ tham mưu. Ý nói nơi Hàm Nghi ở.

d) Các vai trong vở kịch :

1. Hàm Nghi
2. Tôn Thất Thiệp
3. Trương quang Ngọc
4. Nguyễn đình Tinh
5. Quân báo.

II. TRONG KHI PHÁT THANH

- a) Theo dõi các diễn-biến của vở kịch, khuyến khích học sinh tham-gia bài phát thanh.
- b) Dùng thước dài chỉ các địa-danh trên bản đồ và các tên nhân vật khi nghe đến
- c) Cho học sinh ghi chú ngay, tháng, năm xảy ra cuộc biến-động ở Huê và khi vua Hàm Nghi bị bắt.

- d) Tìm các phản ứng của học-sinh để giải-quyết thoả-dáng sau khi phát-thanh. (nếu có)

III SAU KHI PHÁT THANH

- a) Nhắc lại những từ ngữ khó.
b) Nhắc lại nguyên-nhân nào gây ra cuộc kháng chiến căn vương.
c) Câu hỏi kiểm soát :
1. Phong trào căn-vương do ai lãnh đạo ?
 2. Quân ta tấn công vào đồn Mang-Cá và Toà - Khâm sứ Pháp vào ngày nào ?
 3. Kết quả ra sao ?
 4. Ai mạo chủ Thái-Hậu để viết thư dụ hàng vua Hàm-Nghị ?
 5. Kết quả bài hịch căn-vương ra sao ?
 6. Người Pháp đối phó với vua Hàm-Nghị thế nào?
 7. Tướng Mông nào bị quân Pháp mua chuộc ?
 8. Vua Hàm-Nghị bị tướng Quang Ngọc và bọn thủ hạ ám hại vào đêm nào ?
 9. Kết quả cuộc phản bội ấy ra sao ?
 10. Vua Hàm-Nghị được người Pháp đối xử thế nào?

d) Hoạt động của lớp :

1. Thảo-luận về câu : "Dùng người Việt, trị người Việt".
2. Ý-kiến của học sinh về sự phản-bội của Trương Quang Ngọc (rút ra bài học về sự trung thành)
3. Trò chơi về "Thi đua ghi tên nhân vật và địa-danh trong bài phát thanh" (Nhớ chia toán đề toàn thể học sinh có thể tham-dự)



Đề-tài :

PHONG TRAO VĂN THÂN

Phan-dinh-Phùng

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

a) Học-liệu :

* Địa đồ Việt-Nam có ghi rõ các địa-danh : Hà-tĩnh, Nghệ-An, núi Đại-Hàm, Vụ-Quang.

* Hình ảnh vẽ : đại-bác, thung lũng.

b) Giới thiệu câu chuyện :

Phan-dinh-Phùng là người làng Đông-Thái, huyện La-Sơn, Hà-Tĩnh, thi đỗ đầu khoá thi Đình (gọi là Đình Nguyên), vì mắng Tôn-Thất-Thuyết lộng quyền giữa triều nên bị cách chức Ngự-sử. Ông tham-gia phong-trào Cần-Vương chống Pháp suốt 10 năm ở Nghệ-Tĩnh (1886-1895) Phan-dinh-Phùng là tay kiệt liệt nhất trong đám Văn-Thân khởi nghĩa, từng nêu cao lòng dũng-cảm và gương hy-sinh khác thường. Ông đóng quân ở núi Vụ-Quang (thuộc huyện Hương-Khê, Hà-Tĩnh), là một địa-thế hiểm-trở. Đặc biệt tại chiến khu này có một xưởng vũ-khí đặt dưới quyền của Cao-Thắng

chế-tạo được cả súng theo lối Tây-Phương. Từ năm 1886, nghĩa quân bắt đầu gây khốn-dồn cho quân Pháp...

c) Các từ ngữ khó hiểu :

- Thuận phục : thạo, hiểu rõ
- Chính-tề : có thủ tục, đều đặn, gọn ghẽ đầu ra đây.
- lương thực : thức ăn
- kháng chiến : nổi lên chiến đấu để chống lại
- phục-kích : đặt quân ẩn núp để rình đánh.
- Tiếp tề : đem đến cho
- Giai-doạn : làm cho đứt khoảng (mất liên lạc)
- Đại-bác : súng lớn.
- Thung lũng : vùng đất thấp ở giữa 2 dãy núi.
- Nghinh chiến : đến trước mặt quân giặc để đón đánh.

d) Các vai trong Võ kịch :

- | | | |
|-----------|---|---------------------|
| QUÂN | (| 1. Phan-dinh-Phùng |
| | (| 2. Nguyễn-Mục |
| NAM | (| 3. Cao-Thắng |
| | (| 4. Quân-báo |
| | (| 5. Quân Tây |
| QUÂN PHÁP | (| 6. Việt gian 1 và 2 |

II. TRONG KHI PHÁT THANH :

1. Theo dõi các diễn-biến của võ kịch
2. Dùng thước dài chỉ các địa danh trên bản đồ hay hình ảnh khi nghe bài phát thanh đề-cấp đến.

3. Tìm phản ứng của học-sinh để giải-
đáp các thắc mắc sau khi phát thanh
(nếu có)

III. SAU KHI PHÁT THANH :

- a) Nhắc lại các từ ngữ khó
- b) Nhắc lại văn tắt về phong trào Cần-
Vương do vua Hàm Nghi lãnh đạo.
- c) Kiểm-soát và hướng dẫn theo ý chính
của bài phát thanh.:

1. Hỏi về tên đường hay trường học mang tên
Phan-Đinh-Phùng nếu địa phương có.
2. Ông Phan-đinh-Phùng làm gì sau khi phong-
trào cần-Vương tan-rã ?
3. Ông đóng quân ở đâu ?
4. Quân Pháp bao vây nghĩa quân với mục-dịch
gì ?
5. Cao-Thắng bị bắn chết ở đâu ?
6. Mặt Cao-Thắng, Ông Phan-đinh-Phùng có chịu
hàng quân-Pháp không ?
7. Rút về "núi Đại-Hàn", ông Phan-đinh-Phùng
dùng kế gì để chống giặc. ?
8. Kết-quả trận ấy ra sao ?
9. Bọn "chó săn" có nghĩa là gì ?

c) Hoạt động trong lớp :

- * Kể lại cốt chuyện.
- * Liệt-kê trên nhân vật (trò chơi theo
"Trí nhớ" của môn Hoạt động Thanh-niên).



Đề-tải :

HÙNG THIÊN YÊN-THÊ
(HOÀNG HOA THẨM)

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

a) Học-Liệu :

- * Địa đồ Việt-Nam : Bắc phân, có ghi rõ bằng phân màu các địa danh : Yên Yên-Thê (Phía Bắc tỉnh Bắc Ninh), Tam Đảo, Hà Nội, Cao-Bằng, Lạng-Sơn, Bắc Cạn, Thái-Nguyên.
- * Hình hoặc tranh ảnh về đồi, khe núi, lĩnh nguy trang cây lá.

b) Ý chính :

- * Áp dụng vào bài dạy lịch-sử : Cuộc khởi nghĩa Yên-Thê.
- * Vạch rõ sự thấp hèn của bọn phản-quốc, sự khinh-bạc của viên toàn-quyền đối với Lê-Hoan, nhấn mạnh tinh huynh độ chí binh của nghĩa-quân (gọi Đề-Thám là anh cả) để đáp dụng cho các bài Đức dục Công-dân.

c) Giới thiệu câu chuyện : Đề-Thám tức

là Hoàng-hoa-Thẩm, khởi nghĩa ở Yên-Bái : đó là một cuộc tranh-dấu giải-phóng dân-tộc kịch-liệt và trường kỳ (gần 30 năm) trong thời Pháp bắt đầu đặt nền đô hộ ở Việt-Nam. Từ năm 1893, Đề-Thám bắt đầu cũng cõ chiến khu Yên-Thê, cho quân đánh du kích làm quân Pháp phải điêu đứng. Cuộc chiến-dấu của nghĩa-quân trải qua nhiều thời kỳ : lúc được, lúc thua lúc trấ hàng, lúc ly khai kháng-chiến. Ông còn liên-lạc được với vua Duy-Tân và tổ chức đấu độc trại lính Pháp ở Hà thành. Mãi đến năm 1913, quân Pháp mua chuộc được Lương-Tam-Kỳ lập mưu ám-sát được Đề-Thám. Võ kịch này giới-thiệu lại một phần của trang lịch sử oai-hùng vừa kể.

d) Các từ ngữ khó :

- Chiến-thuật : phương-pháp, mưu mẹo dùng trong cuộc hành quân hoặc trong cuộc tranh đấu.
- Kinh-Tế : (kinh-bang tế thế) trị nước, giúp đời. Ở đây ý nói về việc sản-xuất, phân-phối tiêu dùng các sản vật (lương-thực)
- Tiếp-viện : cứu giúp, ý nói quân sĩ của Pháp đem thêm đến để tấn công nghĩa-quân.
- Ngụy-trang : Trang-trí để đánh lừa quân địch (thường là ăn nấp, dùng cây lá che dấy)
- ám-sát : giết một cách bí mật hay dụng tâm nấp rình, xếp đặt giết người.

- bạo động : hành động hung bạo
- phiên loạn : xui giục làm loạn
- Sào-huyệt : tờ, hang, ý nói nơi trú ẩn của quân gian-phi (dễ khinh thị nghĩa quân)
- kinh nghiệm mẫu : ý nói các điều mà quân Pháp đã trải qua, đã biết được về nghĩa quân thường phải trả bằng máu, tính mạng của quân bảo-hộ.

c) Các vai trong vở kịch :

- Nghĩa quân : Đơ-Thám, Cả-Dinh, Cả Huỳnh, Cả-Trọng.
- Pháp-quân : Toàn quyền, Lê-Hoan, Lương Tam-Kỳ

II. TRONG KHI PHÁT THANH

- a) Theo dõi các diễn biến của vở kịch.
- b) Dùng thước dài chỉ có địa-danh trên bản đồ và hình ảnh trên bảng hoặc tên nhân vật khi nghe đến.
- c) Học sinh có thể ghi chú (nếu cần)
- d) Tìm phản ứng của đề giải đáp các thắc mắc sau khi phát thanh. (nếu có)

III. SAU KHI PHÁT THANH

- a) Hỏi lại các từ ngữ khó, các địa danh.
- b) Câu hỏi kiểm soát về vở kịch :

1. Vở kịch này nói về cuộc khởi nghĩa nào ?
2. Cuộc khởi nghĩa ở Yên-Thờ do ai lãnh đạo ?
3. Ông Đơ-Thám có những bộ hạ giỏi về thân tín nào ? Kể ra ?
4. Ông Đơ-Thám dùng chiến-thuật gì để chống Pháp ?
5. Ban đầu, thực dân Pháp giao cho Tổng-đốc nào lo việc tiêu diệt nghĩa quân ?
6. Quan Toàn-Quyền Pháp bảo Lê-Hoan thi hành những biện-pháp nào để diệt Đơ-Thám ?
7. Các mưu kế ấy có thành công không ?
8. Cuối cùng, Toàn Quyền Pháp nhờ ai lo việc ám sát Đơ-Thám ?
9. Kết quả âm-mưu ấy ra sao ?
10. Trò có cảm-phục Đơ-Thám và cảm hận bọn Lê-Hoan, Lương Tam Kỳ không ? Tại sao ?

c) Hoạt động của lớp :

1. Phê-bình về thái-độ của Lê-Hoan đối với quan Toàn Quyền.
2. Tìm hiểu ý nghĩa câu : "Tiến rừng, bạc bèo"
3. Áp-dụng trò chơi Hoạt-Động Thanh Niên : "Liệt kê tên các nhân vật trong vở kịch". Toán nào ghi đủ nhất và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.

Chương-Trình

CỔ-TÍCH và DANH-NHÂN Việt-Nam
Lớp Tư và Lớp Ba

- 1- NGUYỄN-KHUYẾN
- 2- NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU
- 3- BÙI-THỊ-XUÂN
- 4- TRƯƠNG-TẤN-BỬU
- 5- NGUYỄN-THIỆN-THUẬT
- 6- PHÙNG-ĐÔNG THIÊN-VUÔNG
- 7- HAI BÀ TRUNG
- 8- NGO-QUYỀN
- 9- TRẦN-HUNG-ĐẠO
- 10- TRẦN-BÌNH-TRỌNG

Phụ-trách Chương-trình

- Lâm-San-Hà
- Nguyễn-Long
- Nguyễn-Văn-Tường

LỜI CHỈ DẪN

---++---

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

- a) Học-liệu :
 - Bản-đồ Việt-Nam.
 - Tranh ảnh thích-hợp với đề-tài.
(Có thể dùng tài-liệu trong quyển Quốc-Sử Lớp Tư và Lớp Ba của Bộ Giáo-Dục xuất-bản).
- b) Tóm tắt câu chuyện.
- c) Các từ-ngữ khó.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH

- Theo dõi các diễn biến của bài phát-thanh và chỉ các địa danh khi nghe đến.

III- SAU KHI PHÁT-THANH

- a) Hoạt-động của lớp học
 - Cho học-sinh hợp toán thảo-luận và nêu thắc-mắc để giáo-viên giải đáp (nếu có).
 - Hỏi lại các từ-ngữ khó.
- b) Câu hỏi :
 - Vừa ôn bài vừa mở rộng kiến-thức.
(Có thể liên-quan đến các môn học khác như Địa-lý, Công-dân, ...)

NGUYỄN - KHUYẾN

Các vai

- 1- Người kể chuyện
- 2- Mẹ Nguyễn-Khuyến

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

- a) Học-liệu (xem lời chỉ dẫn).
- b) Tóm tắt câu chuyện :

Nguyễn-Khuyến trước tên là Nguyễn-Văn-Thắng, người tỉnh Hà-Nam. Thuở nhỏ ông nổi tiếng thông-minh, hiếu học. Nhà nghèo, nhưng nhờ mẹ hiền khuyến-khích nên ông luôn cố gắng học hành.

Năm 30 tuổi, ông đỗ đầu luôn cả ba kỳ thi là thi Hương, thi Hội và thi Đình. Vì vậy mà người ta gọi ông là Tam-Nguyên Yên-Đỗ.

Làm quan đến chức Sơn-Hưng-Tuyên Tổng Đốc, ông nổi tiếng thanh-liêm.

Để tỏ lòng yêu nước thương nòi, Nguyễn Khuyến lấy cố đau mắt từ quan, không muốn hợp-tác với người Pháp.

Trong lúc về trí-sĩ, ông mở trường dạy học. Khi nhàn rồi, Nguyễn-Khuyến câu cá

làm thơ. Thơ ông rất hay, nhất là thơ tả cảnh đồng quê, trời mây, non nước...

2) Từ-ngữ khó :

Thi Hương : Thi Cử-nhân đòi xưa

Thi Hội : Thi Tiến-sĩ

Thi Đình : Thi ở sân vua

Thanh bần : Nghèo mà trong sạch

Tiểu-dòng : Đứa ở trai nhỏ tuổi

Thanh-liêm : Trong sạch không ham lợi

Chánh-trực : Ngay thẳng

Về trí-sĩ : Thôi làm quan, về ở nhà.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

- a) Hoạt-động của lớp học : (Xem lời chỉ dẫn).

b) Câu hỏi :

- 1- Nguyễn-Khuyến trước tên là gì ?
- 2- Quê ông ở làng nào ? Tỉnh nào ?
- 3- Tại sao người ta gọi ông là Tam-Nguyên Yên-Đỗ ?
- 4- Bây giờ còn kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình nữa không ?
- 5- Người đứng đầu một tỉnh gọi là gì ?
- 6- Lấy cố gì Nguyễn-Khuyến xin từ chức Tổng-đốc ?
- 7- Lúc về quê ông làm gì ?

NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỂU

---+---

Các vai :

- Nguyễn-Đình-Chiêu
- Thầy thuốc
- Viên Thông-ngôn
- Người kể chuyện

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

a) Học-liệu : (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Tóm tắt câu chuyện :

Nguyễn-Đình-Chiêu người làng Tân-Thới, tỉnh Gia-Định, đỗ Tú-Tài năm 21 tuổi. Năm sau ra Kinh thi Hội, giữa đường hay tin mẹ mất, Ông phải trở về và bị bệnh sinh ra mù mắt.

Mãn tang mẹ, Ông Nguyễn-Đình-Chiêu mở trường dạy học nên người ta còn gọi Ông là Cụ Đồ-Chiêu.

Khi quân Pháp chiếm Saigon, Ông Nguyễn Đình-Chiêu chạy về Cần-Giuộc, rồi Ba-Trì thuộc tỉnh Bến-Tre. Dù thân bị tật-nguyên, Cụ Nguyễn-Đình-Chiêu vẫn bí-mật liên-lạc giúp mưu kế cho các nghĩa-quân chống Pháp và từ chối mọi sự mua chuộc của quân xâm-lăng để nêu cao khí-tiết của kẻ sĩ-phu nước Nam.

c) Từ-ngữ khó :

Trung-hiếu : hết lòng thờ vua, giúp nước và thờ kính cha mẹ.

Tiết-hạnh : tiết nghĩa và hạnh-kiêm; ý nói lòng trong sạch, trung-thành và hành-

vi giữ cho đúng mức của con người tốt.

- Kinh : kinh-đô, nơi vua đóng.

- Hội : khoa thi Tiến-sĩ ngày xưa.

- Thông-ngôn : người dịch tiếng cho 2 người khác tiếng nói chuyện với nhau.

- Khí-tiết : chí-khí và tiết-tháo; ý nói sự giữ vững nghị-lực, theo đuổi để đạt mục-đích của mình.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Hoạt-động của lớp học :

(Xem lời chỉ dẫn)

b) Câu hỏi :

- 1- Ông Nguyễn-Đình-Chiêu sanh trưởng ở đâu ?
- 2- Ông nổi tiếng với tác-phẩm nào ?
- 3- Tại sao bị bệnh mù mắt ?
- 4- Quan sứ Pháp đã làm gì để mua chuộc Ông Nguyễn-Đình-Chiêu ?
- 5- Ông Nguyễn-Đình-Chiêu có nhận lại đất đai và tiền bạc của Pháp cho không ?
- 6- Ông Nguyễn-Đình-Chiêu khuyên người con trai và con gái lấy gì làm đầu ?
- 7- Ông Nguyễn-Đình-Chiêu mất ở đâu, lúc đó được bao nhiêu tuổi ?

BÙI - THỊ - XUÂN

---+---

Các vai :

- Người kể chuyện
- Bùi-Thị-Xuân
- Trần-Quang-Diệu
- Vua Cảnh-Thịnh
- Quân do-thám

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

- a) Học-liệu : (Xem lời chỉ dẫn)
- b) Tóm tắt câu chuyện :

Bùi-Thị-Xuân là vợ Trần-Quang-Diệu, danh-tướng của triều Tây-Son.

Bà tinh thông võ nghệ và can-đảm khác thường. Bùi-Thị-Xuân hay theo chồng ra trận, chém tướng, đoạt thành, lập nhiều chiến công lớn.

Khi chúa Nguyễn-Phước-Anh chiếm kinh-đô Phú-Xuân, bà Bùi-Thị-Xuân phải phò vua Cảnh-Thịnh rút về phương Bắc. Sau đó bà dẫn 5.000 quân đánh lũy Trấn-Ninh. Trận này thua, sau đó bà bị bắt cùng với hai con. Bị đem ra pháp-trường, Bà vẫn hiên-ngang cho đến lúc chết.

c) Từ-ngữ khó :

- Băng-hà : tiếng để chỉ vua qua đời.
- Hiên-thê : vợ hiền.
- Thao-lược : chỉ người tài giỏi có mưu trí
- Bồ-liễu : tên 2 thứ cỏ mềm yếu, hai chữ này dùng chỉ thân đàn bà con gái yếu đuối.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

- a) Hoạt-động của lớp học :
(Xem lời chỉ dẫn)

b) Câu hỏi :

- 1- Bùi-Thị-Xuân là vợ của ai ?
- 2- Bà có tài gì ?
- 3- Bà thường ra trận với ai ?
- 4- Bà đánh lũy Trấn-Ninh có thắng không ?
- 5- Lòng can-đảm của Bà Bùi-Thị-Xuân thế nào ?
- 6- Kể vài vị nữ anh-hùng của nước ta ?

TRƯƠNG - TẤN - BỬU

---++---

Các vai :

- Nguyễn-Ánh
- Cha Trương-Tấn-Bữu
- Trương-Tấn-Bữu
- Nông-dân 1 + 2

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

- a) Học-liệu : (Xem lời chỉ dẫn)
- b) Tóm tắt câu chuyện :

Ông Trương-Tấn-Bữu người làng Hưng-Lễ, nay thuộc tỉnh Kiến-Hòa, xuất thân từ một gia đình nông-dân. Nhờ cho chúa Nguyễn-Ánh tá túc trong lúc chạy giặc Tây-Son, Ông Trương Tấn-Bữu được thuê-dụng theo phò Chúa Nguyễn.

Sau nhiều năm chống nhà Tây-Son, chúa Nguyễn-Ánh thu-phục lại được giang-sơn, trong đó công của Trương-Tấn-Bữu rất lớn nên được phong là Long-Vân-Hầu, lãnh chức Tổng-Trấn Gia-Định. Sau vì bệnh mà chết, mộ và miếu thờ hiện còn ở Phú-Nhuận, Gia-Định.

c) Tù-ngữ khó :

- Anh-hùng áo vải : người tài đức xuất thân từ giới bình-dân.
- Hâm : làm cho nóng lại.

- Nói lên : nói khi không có mặt người khác.

- Công việc đồng áng : các công việc làm ngoài ruộng.

- Ra mắt : đến gặp mặt một cách cung-kính.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

- a) Hoạt-động của lớp học :
(Xem lời chỉ dẫn)

b) Câu hỏi :

- 1- Trương-Tấn-Bữu là người quê quán ở đâu ?
- 2- Những người đến gõ cửa nhà cha con ông Trương-Tấn-Bữu làm gì ?
- 3- Cha ông Trương-Tấn-Bữu có cho họ ở trọ không ?
- 4- Họ được tiếp-đãi thế nào ?
- 5- Ông Trương-Tấn-Bữu có giỏi võ-ngệ không?
- 6- Ông Trương-Tấn-Bữu được ai tiến-cử ra phò-tá chúa Nguyễn-Ánh ?
- 7- Ông có giúp chúa Nguyễn-Ánh khôi-phục được cơ-nghiệp nhà Nguyễn- không ?

NGUYỄN - THIÊN - THUẬT

---+---

Các vai :

- Nguyễn-Thiên-Thuật
- Đề-đốc Tạ-Hiến
- Nghĩa-quân 1 + 2
- Tất, một nông-dân

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

a) Học-liệu : (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Tóm tắt câu chuyện : Tham-gia phong trào Cần-Vương của vua Hàm-Nghi, Ông Nguyễn-Thiên-Thuật tổ-chức kháng-chiến ở Bãi-Sậy.

Nhiều gia-đình bị quân Pháp tàn-sát, trong đó có một nông-dân tên Tất còn sống sót chạy đến Bãi-Sậy xin đầu quân. Cùng lúc ấy, nghĩa-quân được tin quân Pháp sắp tấn-công, nên Nguyễn-Thiên-Thuật cho phục-kích và đại thắng.

Nghĩa-quân dùng chiến-thuật du-kích làm cho quân Pháp khốn-đốn, nhưng sau 5 năm kháng-chiến, nghĩa-quân cũng phải tan rã vì sức công-phá mãnh-liệt của thực-dân. Một số bỏ trốn, một số ra hàng, còn Ông Nguyễn-Thiên-Thuật thì chạy sang Tàu và mất ở Nam-Ninh thuộc tỉnh Quảng-Tây.

c) Từ-ngữ khó :

Chiến-khu : khu-vực quân-sự; ý nói nơi nghĩa quân đóng.

Cần-vương : hết lòng, hết sức với vua.

Ngài Tấn-Thuật : ý chỉ Ô. Nguyễn-Thiên-Thuật.

Đề-đốc : chức một quan võ coi một đạo binh ngày xưa.

Ruồng bổ : hành quân, ý nói quân Pháp đi qua để tìm nghĩa-quân mà đánh.

Liên hoan : mừng vui chung, ý nói tổ-chức các trò vui hoặc tiệc để ăn mừng chiến thắng.

Cổ hương : quê hương xưa, ý nói nước Việt.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ-dẫn).

III- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Hoạt-động của lớp học (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Câu hỏi :

- 1- Ông Nguyễn-Thiên-Thuật tổ-chức kháng Pháp ở đâu ?
- 2- Tại sao anh Tất gia-nhập nghĩa-quân ?
- 3- Ông Nguyễn-Thiên-Thuật áp-dụng chiến-thuật gì ?
- 4- Nhờ đâu Ông Nguyễn-Thiên-Thuật biết được quân Pháp sẽ ruồng bổ khu Bãi Sậy ?
- 5- Kết-quả trận phục-kích ra sao ?
- 6- Vì sao Chiến-khu Bãi-Sậy tan vỡ ?
- 7- Ông Nguyễn-Thiên-Thuật chết ở đâu ?

PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

---++++---

Các vai :

- 1- Phù-Đồng Thiên-Vương
- 2- Sứ-giả
- 3- Hùng-Vương Thứ 6
- 4- Thị-Lý
- 5- Dân làng
- 6- Lính hầu

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

a) Học-liệu : (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Tóm tắt câu chuyện :

Về đời vua Hùng-Vương thứ 6, tại làng Phù-Đồng, tỉnh Bắc-Ninh, có người đàn bà hiền hậu tên là Thị-Lý sinh được một đứa con trai đã 3 tuổi mà chưa biết nói.

Nhân lúc giặc Ân bên Tàu sang đánh phá nước ta, vua sai sứ-giả đi khắp nước tìm người tài giỏi ra giết giặc cứu nước. Khi sứ-giả đi qua làng Phù-Đồng, đột-nhiên cậu bé biết nói, xin mẹ cho mời sứ-giả vào nhà và ngỏ ý muốn đi dẹp giặc. Cậu bé chỉ xin vua đúc cho một con ngựa sắt và một chiếc roi sắt. Sau đó cậu bé cầm roi sắt cỡi lên ngựa sắt xông ra trận, ngựa sắt phun lửa đốt cháy giặc rất nhiều. Phá giặc xong, cậu bé phi ngựa lên núi Sóc-Son rồi biến mất.

Vua nhớ ơn, cho lập đền thờ và phong là Phù-Đồng Thiên-Vương.

c) Từ-ngữ khó :

Có mang : có con trong bụng mình, tức là có chửa (bụng mang dạ chửa).

Nết na : có nết tốt.

Sứ-giả : người mang một sứ-mệnh gì.

Bái-vết : lạy mà trình diện.

Khanh : tiếng vua gọi các quan.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ-dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Hoạt-động của lớp học (Xem lời chỉ-dẫn).

b) Câu hỏi :

- 1- Đời Hùng-Vương thứ 6, tại làng Phù-Đồng, tỉnh Bắc-Ninh, có gì lạ xảy ra ?
- 2- Tỉnh Bắc-Ninh ở đâu ?
- 3- Khi giặc Ân bên Tàu tràn sang, vua sai sứ-giả làm gì ?
- 4- Khi sứ-giả đến làng Phù-Đồng cậu bé thế nào ?
- 5- Cậu bé xin vua những gì để dẹp giặc ?
- 6- Sau khi dẹp giặc xong cậu bé đi đâu ?
- 7- Để tỏ lòng biết ơn, vua phong cho chức gì ?



HAI BÀ TRUNG

---♦---

Các vai :

- Tô-Định
- Thi-Sách
- Trung-Trắc
- Trung-Nhị
- Nữ-quân
- Nam-quân

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

a) Học-liệu : (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Tóm tắt câu chuyện :

Khi nước ta bị nhà Hán đô-hộ, có tên Thái-thú là Tô-Định vô cùng độc ác đã làm cho dân ta rất khổ sở. Hắn bắt giết Thi-Sách là chồng Bà Trung-Trắc. Vì thù chồng nợ nước, Bà cùng với em là Trung-Nhị đứng lên chiêu mộ ba quân khởi đánh đuổi Tô-Định và quân Tàu ra khỏi nước, giành lại Độc-lập cho xứ sở.

Hai Bà chiến thắng vẻ vang, lên ngôi đóng đô tại quê nhà là Mê-Linh. Nước ta trở lại sống trong cảnh thái-bình thanh-trị được ngót 3 năm.

c) Tù-ngũ khó :

Thế-kỷ : 100 năm

Trường-kỳ : lâu dài

Đô-hộ : sự cai trị của nước khác

Phản-động : chống đối lại.

Đa-mạn : hung ác, tàn bạo.

Chiêu tập (mộ) : đi tìm kiếm và tụ-tập cho đông.

Truyền hịch : rao lời kêu gọi toàn dân.

Hà-khắc : đối đãi ác nghiệt, tàn nhẫn.

Bình-định : làm cho yên ổn an lành trở lại.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ-dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Hoạt-động của lớp học (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Câu hỏi :

- 1- Tên Thái-thú Tô-Định đối với dân ta thế nào ?
- 2- Chúng bắt giết ai ?
- 3- Hai Bà Trung làm gì ?
- 4- Hai Bà Trung có thắng Tô-Định không ? Nhờ gì ?
- 5- Hai Bà Trung là người thế nào ?
- 6- Các em có kính phục và noi gương Hai Bà không ?
- 7- Các em có biết đền thờ Hai Bà tại đâu không ?
- 8- Hằng năm vào ngày tháng nào Âm-lịch có lễ kỷ-niệm Hai Bà ?

NGÔ - QUYỀN

-----+++-----

Các vai :

- Ngô-Quyền
- Tiên-phuông
- Cận tướng 1 và 2
- Lính Tàu 1 và 2
- Tướng Tàu Hoàng-Thao

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

a) Học-liệu : (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Tóm tắt câu chuyện : Ngô-Quyền là một vị tướng tài của Dương-Diên-Nghệ nên được ông gả con gái và được cử vào trấn-thủ đất Ái-Châu (Thanh-Hóa).

Nghe Dương-Diên-Nghệ bị Kiều-Công-Tiến giết, Ngô-Quyền bèn đem quân ra diệt-trừ Kiều-Công-Tiến. Nhân dịp này, quân Nam-Hán tràn sang chiếm nước ta.

Ngô-Quyền dùng mưu sai quân lấy gỗ đẽo nhọn bọc đồng đem đóng giữa sông Bạch-Đằng đợi thủy-triều lên cho quân ra khiêu chiến rồi giả thua chạy.

Quân Tàu đuổi theo lúc nước rút xuống ta dùng tên lửa từ hai bên bờ bắn ra và thủy quân đánh mạnh. Chiến-thuyền của quân Nam Hán bị cọc đâm thủng, chìm vô số kẻ. Tướng Tàu là Hoàng-Thao bị bắt sống. Trận này Ngô-Quyền toàn thắng.

c) Từ-ngữ khó :

Nhạc-phụ : cha vợ.

Xâm-lăng : tràn đến chiếm đóng nước khác.

Đạt : đông người lộn-xộn và ồn-ào.

Ngư-phủ : người đánh cá.

Kế-hoạch : mưu mẹo bày vẽ ra.

Thấp-thoáng : chợt thấy chợt không.

Con thiêu-thân : thứ côn-trùng nhỏ cú thấy chỗ lửa sáng thì bay vào và bị chết thiêu.

Mai-phục : núp chỗ kín.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ-dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Hoạt-động của lớp (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Câu hỏi :

- 1- Ngô-Quyền là vị tướng thế nào ?
- 2- Ai giết Dương-Diên-Nghệ ?
- 3- Hay tin này, Ngô-Quyền làm gì ?
- 4- Nhân dịp này, quân Nam-Hán tràn sang nước ta với ý định gì ?
- 5- Ngô-Quyền bảo quân lính làm gì ?
- 6- Lúc nước rút xuống, quân ta đánh thế nào ?
- 7- Trận này Ngô-Quyền có thắng được quân Nam-Hán không ?



TRẦN - HUNG - ĐẠO

Các vai :

- Trần-Thái-Tôn
- Trần-Thủ-Độ
- Trần-Liễu
- Trần-Quốc-Tuấn
- Lão bộc
- Lính hầu

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

a) Học-liệu (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Tóm tắt câu chuyện :

Trần-Cảnh lập Lý-Chiêu-Hoàng làm Hoàng-hậu đã 12 năm mà chưa có con. Trần-Thủ-Độ âm-mưu bỏ Lý-Chiêu-Hoàng lập Thuận-Thiên Công-Chúa, vợ Trần-Liễu lên thay vì bà này đã có mang.

Trần-Liễu uất-ức kéo quân vào triều hỏi tội nhưng thất-bại. Trần-Liễu bị thương nặng, trước khi nhắm mắt dặn con là Trần-Quốc-Tuấn phải trả thù.

Nhưng sau đó quân Mông-Cổ sang chiếm nước ta. Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn đã vì nước quên thù nhà, phò vua đuổi được quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi.

c) Từ-ngũ khó :

Chiếu-chỉ : tờ chiếu của vua.

Bào-huynh : anh ruột.

Phu nhân : ngày xưa gọi vợ các vua chư hầu là phu-nhân, ngày nay gọi đàn bà có chồng là phu-nhân.

Bào-đệ : em ruột.

Tiền trăm hậu tấu : chém rồi mới tâu cho vua biết (kẻ quyền thần).

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ-dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Hoạt-động của lớp học (Xem lời chỉ-dẫn).

b) Câu hỏi :

- 1- Trần-Cảnh lên làm vua lấy hiệu là gì ?
- 2- Trần-Cảnh lập ai làm hoàng-hậu ?
- 3- Vì sao Trần-Thủ-Độ ép vua bỏ Lý-Chiêu-Hoàng và lập Thuận-Thiên Công-Chúa lên thay ?
- 4- Thuận-Thiên Công-Chúa là vợ của ai ?
- 5- Trần-Liễu uất hận và làm gì ?
- 6- Trước khi nhắm mắt, Trần-Liễu dặn con là Trần-Quốc-Tuấn làm gì ?
- 7- Trần-Hung-Đạo quên thù nhà và lo việc nước, vì sao ?



TRẦN - BÌNH - TRỌNG

Các vai :

- Bé Nam
- Bé Thủy
- Bà Ba (má bé Nam, Thủy)
- Thoát-Hoan
- Trần-Bình-Trọng

I- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

a) Học-liệu : (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Tóm tắt câu chuyện :

Bé Nam học bài Trần-Bình-Trọng, bé Thủy bảo kể chuyện, bé Nam phải nhớ mẹ là Bà Ba.

Ông Trần-Bình-Trọng vốn dòng dõi Lê-Đại Hành, nhờ cha Ông có công lớn với vua Trần-Thái-Tôn nên họ Lê bắt đầu từ đời cha Ông đã được đổi thành họ Trần. Lúc quân Nguyên sang đánh nước ta. Tướng Trần-Bình-Trọng trấn giữ Thiên-Trường nhưng vì binh ít thế cô nên bị giặc bắt sống. Giải đến tướng Tàu là Thoát-Hoan, Ông cứ đứng chó không chịu quỳ. Thoát-Hoan biết Ông là dũng tướng muốn dụ hàng nên đổi đãi với Ông rất tử tế và hứa sẽ cho Ông Trần-Bình-Trọng làm Vương đất Bắc. Nhưng Ông nói : Thà làm quỉ nước Nam chứ không làm vương đất Bắc. Thoát-Hoan thấy không thể dụ hàng bèn ra lệnh chém đầu Ông. Dân chúng nước ta nghe tin Ông chết một cách anh-hùng như vậy đều thương xót và kính phục.

c) Từ-ngữ khó :

Đốc-thúc : thúc giục, hối thúc.

Lay chuyển : làm rung động, cảm-động.

Bình thân : yên và thanh thân.

Pháp-trường : nơi chém người trọng tội.

Xúc động : cảm-động mạnh mẽ.

Thảm bại : thất bại, thua một cách thê thảm.

II- TRONG KHI PHÁT-THANH (Xem lời chỉ-dẫn)

III- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Hoạt-động của lớp học (Xem lời chỉ-dẫn)

b) Câu hỏi :

- 1- Trần-Bình-Trọng dòng dõi vua nào ?
- 2- Vì sao Ông được đổi thành họ Trần ?
- 3- Khi quân Nguyên sang đánh nước ta, Trần-Bình-Trọng làm gì ?
- 4- Bị bắt, tướng Tàu đối đãi với Ông thế nào ?
- 5- Sau vì không dụ hàng được, tướng Tàu làm gì Ông ?



C H I - H A M

CHƯƠNG-TRÌNH "CHÚNG EM NGHE KỂ CHUYỆN"
Dành cho Bậc Tiểu-Học

- 11- CÂY TRĂM HOA
- 12- CÁI HŨ THẦN
- 13- CÁI LỌ MỒ
- 14- TÌNH ANH EM
- 15- CỤU BẾ HÓA NAI
- 16- CÂY GẬY THẦN
- 17- HOÀNG-TỬ BẠCH-TÂN
- 18- MẸ GÀ CON VỊT
- 19- BA ÔNG GIÀ LÙN I
- 20- BA ÔNG GIÀ LÙN II



Số : 11

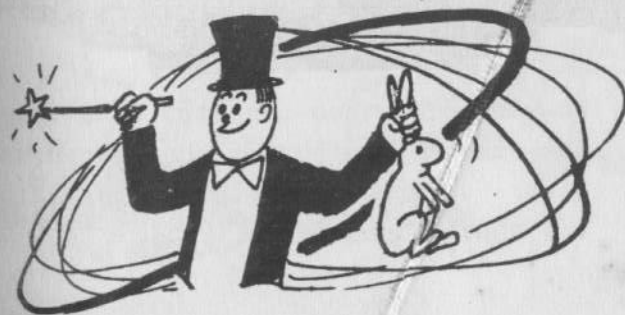
CÂY TRĂM HOA

Nhân-vật :

- Kim và Liên
- Bà Thứ-Phi
- Ông nhà giàu
- Lão tiều-phu
- Cây Trăm Hoa
- Yêu-tinh một mắt

Dại ý :

Một bà Hoàng-hậu vừa sanh được một đôi trai gái, thì bị bà Thứ-phi độc ác, ganh tị, cho quân đem vào rừng giết. Nhưng nhờ từ tâm của tên quân, 2 đứa trẻ còn sống sót, sau lại gặp ông nhà giàu mang về nuôi. 12 năm qua... Bà Thứ-phi tỉnh-cờ gặp lại Kim và Liên đeo hai chiếc vòng bảo ngọc, bà sợ hãi vội tìm cách giết 2 đứa bằng cách dụ Kim vào hang Yêu-tinh một mắt để lấy Cây Trăm Hoa. Nhưng nhờ lão tiều-phu chỉ dẫn và nhờ lòng can-đảm, Kim lấy được Cây Trăm Hoa. Cây này đã giúp hai anh em gặp lại được cha và hoàng-hậu.



Dụng ý : Chuyện này nói lên lòng hiếu-thảo của 2 đứa bé, đã giúp chúng có đủ can-đảm vượt qua mọi gian-nguy để được về sum họp với mẹ cha.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH :

Giải nghĩa từ-ngữ khó :

Hiếm hoi : có ít con hoặc không có con.

Trắc ẩn : lòng thương xót.

Phát giác : tìm biết được việc gì đã xảy ra

Trẻ lạc loài : trẻ không cha mẹ, bơ vơ

Không lồ : to lớn dị thường.

B.- SAU KHI PHÁT-THANH :

1) Câu hỏi kiểm-soát :

- Toàn dân mở hội ăn mừng điều gì ?
- Bà Thử-phi hại 2 đứa bé thế nào ?
- Kim và Liên được ai cứu sống ?
- Người cha nuôi, trao lại cho Kim và Liên cái gì ?
- Bà Thử-phi dụ Kim đi đâu ?
- Nhờ ai Kim và Liên gặp lại cha mẹ ruột ?

2) Thực-hành tính tốt :

- Khuyên các em học-sinh tập tính tốt : Can-đảm trước việc làm khó khăn nguy-hiểm. Có lòng kính yêu cha mẹ, lễ phép với người lớn tuổi.



Nhân-vật :

- Anh và Em
- Ông lão và các vị Sơn-thần
- Con người em
- Vợ
- Đầy tớ của người anh

Đại ý :

Có hai anh em nhà kia : anh giàu có lại keo-kiệt, xảo-trá. Em hiền lành, tốt bụng, nhưng lại nghèo. Tết nọ, em đến nhờ anh giúp đỡ. Thương tình, anh cho em một cái giò luộc và ít bánh chưng. Dọc đường, người em động lòng trước sự đói khát của ông lão, nên cho hết cả bánh. Chính nhờ lòng tốt đó mà người em được cái Hũ Thần do ông lão và các vị Sơn-Thần ban thưởng. Cái hũ nhiệm màu đó giúp người em toại nguyện thực-hiện được các điều mơ ước và trở nên giàu có. Anh thấy em giàu, sinh ganh tị, có ý muốn chiếm đoạt của báu kia. Nhưng cũng vì lòng tham ấy mà người anh phải bị chôn vùi đáy bể.

Dụng ý :

Kẻ ỏ hiền thường gặp lành, kẻ ác thường bị trừng-phạt.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANHGiải nghĩa từ-ngữ khó :

Xảo-trá : tinh khôn nhưng không ngay thẳng, thích lừa dối.

Keo-kiệt : hà-tiên quá mức.

Sung-túc : giàu có, sống dư dả.

Linh-nghiêm : dùng để chỉ lời cầu ước được thực-hiện.

A.- SAU KHI PHÁT-THANH1) Câu hỏi kiểm-soát

- Hãy so sánh tính tình của người em và người anh ?
- Người em đến nhà anh để làm gì ?
- Trên đường về nhà, người em gặp ai và được vật gì ?
- Nhờ cái "Hũ Thần", người em và cả gia-đình sống cách nào ?
- Người anh thấy em giàu, lập mưu làm gì ?
- Tại sao cả gia-đình người em phải chôn-vùi dưới bể sâu ?

2) Thực-hành tính tốt

Giáo-chức nhắc nhở học-sinh đừng tham lam và bỏ tính ganh tị.



Số : 13

C Á I L Ọ M Ỡ

Nhân vật :

- Chú mèo
- Chú chuột
- Lọ mỡ

Đại ý : Chú mèo và chú chuột kết bạn với nhau. Hai chú có một lọ mỡ cất trong nhà thờ định để đến mùa đông sắp tới sẽ đem ra ăn. Nhưng chú mèo vì tham ăn, nhiều lần lén gạt chú chuột để đi ăn vụng một mình. Đến khi chú chuột biết mình bị gạt, từ đó chú bèn xa lánh không làm bạn với mèo nữa.

Dụng ý : Chuyện này dạy cho các em : Bạn bè phải đối-xử thành thật, tử-tế và thương yêu lẫn nhau.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải nghĩa từ-ngữ khó

Vênh mặt : hễ ~~th~~mặt lên, ra vẻ làm oai.

Thèm rỏ dãi : thèm chảy nước miếng.

Hết nhần : hết ráo-trội.

Giận tràn hông : giận và tức lắm.

B.- SAU KHI PHÁT-THANH

a) Câu hỏi kiểm-soát

- Mèo và chuột cắt cái lọ mỡ ở đâu ?
- Lần đầu chú mèo đến nhà thờ ăn vụng mỡ, đặt tên cho đứa bé đó đầu là gì ?
- Lần thứ nhì và thứ ba, mèo ta đặt tên gì nữa ?
- Những tên mà chú mèo đặt có liên-quan gì đến hũ mỡ chú ăn vụng không ?

b) Thực-hành tính tốt

- Dạy các em tập tính tốt :
ngay thẳng, thành thật với bạn bè - bỏ tính tham ăn, nói dối.



T Ì N H A N H E M

Nhân vật : - Minh
 - Thành
 - Thầy đồ
 - Ông chủ

Đại ý : Vì cha bị nạn nên nhà nghèo túng, hai anh em Thành và Minh phải đi làm mướn. Anh Minh giúp việc cho nhà ông phú-hộ cay-nghiệt nên bị hành-hạ khổ sở vô cùng. Em Thành may mắn hơn được ở nhà thầy đồ hiền đức. Thầy đồ thường an ủi, phụ giúp anh. Nhờ một tai-nạn xảy ra, Thành trở nên giàu có. Thành giúp anh trả nợ cho chủ và giúp đỡ cha mẹ.

Dụng ý : Chuyện này muốn nói đến tình huynh-đệ : anh em phải biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải nghĩa từ-ngữ khó

- Thánh hiền : người học rộng tài cao, có đức tính tốt.

- Keo-kiệt : hà-tiện quá mức
- Dại dốt : Làm việc không suy nghĩ
- Sung-túc : dư dả tiền bạc.

B.- SAU KHI PHÁT-THANH

1) Câu hỏi kiểm-soát

- Tại sao 2 anh em Minh và Thành phải đi làm thuê ?
- Thành và Minh giúp việc cho ai ?
- Minh gặp phải người chủ thế nào ?
- Thành đã giúp đỡ anh bằng cách nào ?
- Thành bị lạc mất trong trường-hợp nào ?
- Tại sao Thành được giàu có ?
- Nếu em là Thành, khi được giàu có, em làm gì ?

2) Thực-hành tính tốt

- Dạy các em nên tìm hiểu hoàn-cảnh của bạn bè, để giúp đỡ bạn trong cảnh hoạn-nạn, nghèo khó. Anh em trong nhà phải thương yêu nhau.



số : 15

CÂU CHUYỆN HÓA NAI

Nhân-vật :

- Chị em Bích-Thủy
- Chú nai con
- Ông tiên
- Nhà vua trẻ tuổi

Đại ý :

Hai chị em Bích-Thủy mồ-côi, bị bà mẹ kế độc ác đuổi ra khỏi nhà, nên đi lạc vào rừng. Em nàng vì uống lầm nước suối độc, hóa thành con nai. Bích-Thủy thương em đành ở lại rừng. Hằng đêm nàng cầu nguyện cho em sớm trở thành người. Tình cờ, một nhà vua trẻ tuổi đi săn bắn gặp chú nai liền đuổi theo và đến nơi Bích-Thủy ở. Nhờ đức Vua, em nàng được thành người, và sau đó Bích-Thủy được về làm vợ đức Vua.

Dụng ý :

Chuyện này nói lên : Lòng hy-sinh cao quý của một người chị đối với đứa em xấu số. Đức tính cao cả của nàng được đền bù xứng đáng.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải-nghiã từ-ngữ khó

- Đi lang-thang : Đi vó-vấn không nhất-định

- Lão-đào : đi ngã-nghiêng muốn té
- Nói thêu-thào : nói một nhọc trong hơi thở
- Ngơ ngác : không biết chuyện gì xảy ra
- Thỏ thẻ : nói nhỏ nhỏ trong miệng

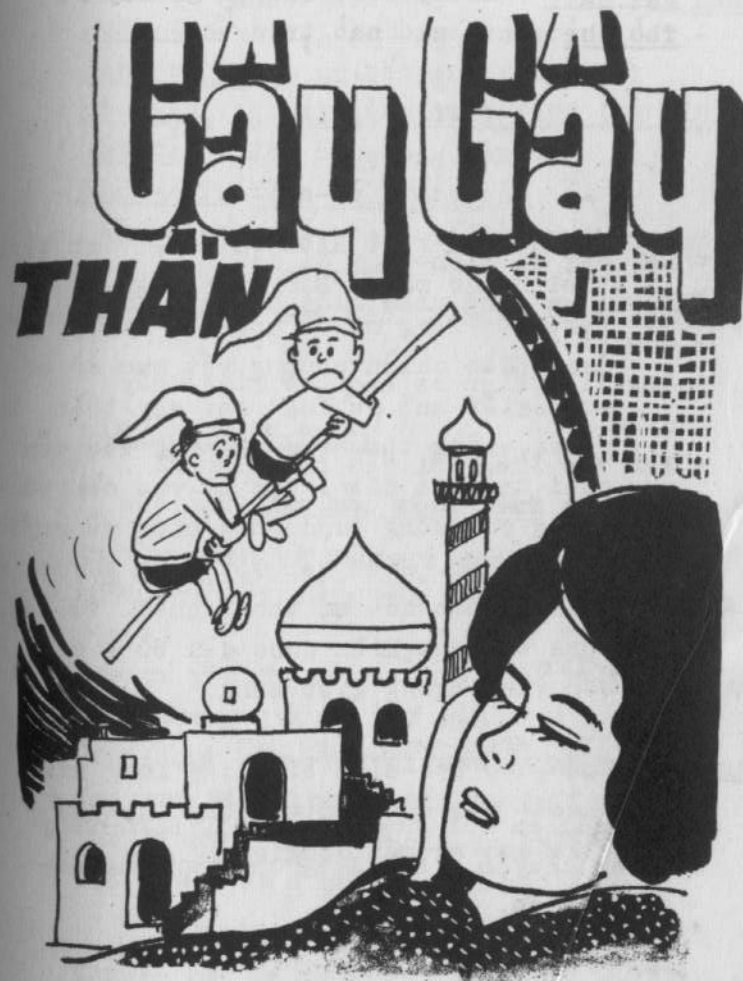
B.- SAU KHI PHÁT-THANH

1) Câu hỏi kiểm-soát

- Hai chị em Bích-Thủy đi đâu ?
- Người em uống nhầm nước độc hóa thành con gì ?
- Ông Tiên hiện ra báo cho Bích-Thủy điều gì ?
- Nhà vua trẻ tuổi vào rừng làm gì ?
- Sau khi đuổi theo con nai, nhà vua gặp ai ?
- Về sau con nai được trở thành người không ?
- Bích-Thủy sau cùng được làm gì ?

2) Thực-hành tính tốt

- Dạy các em noi gương theo chị Bích-Thủy trong chuyện : hết lòng thương yêu săn sóc cho em.



C Â Y G Â Y T H Ì N

- Nhân vật :
- 1- Công-chúa
 - 2- Bà mẹ
 - 3- Hiền và Sắc
(2 anh em ruột)
 - 4- Vua

Dại ý : Hai anh em ruột Hiền và Sắc, tính tình trái ngược nhau. Sắc tính :ngỗ-ngược, làm buồn lòng mẹ và anh rất nhiều. Sắc được Hiền chiều chuộng rất mực dù có ý muốn giết anh để đoạt cây gậy thần. Tự nhiên, lòng tham-lam và tính xấu vẫn phải trả giá đắt : Sắc bị vua cầm tù vì không cứu sống được Công-chúa và suýt bị xử chém. Hiền vẫn một lòng thương em và tìm cách cứu em thoát chết. Về sau, lòng tốt của Hiền được đền bù : cưới con vua, hưởng giàu sang.

Dụng ý : Nhắc cho học-sinh biết : "Lòng hiếu thảo" của con cái và lòng tha-thứ giữa anh em rất đáng quý.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải nghĩa các chữ khó hiểu :

- Hòa-nhã : hiền và dịu-dàng
- Ganh tỵ : hay tranh đua và ghen ghét
- Linh-nghiệm : có kết-quả trước mắt
- Vô-dụng : không dùng được
- Tận tâm : đem hết lòng làm việc gì
- Nhộn-nhịp : ồn-ào, vui
- Thúc giục : hối thúc để làm cho mau xong việc gì
- Thều-thào : nói nhỏ, không rõ và nhiều hơi thở.

B.- SAU KHI PHÁT-THANH

1) Câu hỏi kiểm-soát :

- Mẹ của Hiền và Sắc gọi con để dặn gì ?
- Hiền trả lời cách nào ? Trong lúc đó Sắc làm gì ?
- Sắc có ý muốn chiếm-đoạt gì ? Thái-độ của Hiền trong lúc đó thế nào ?
- Đoạt được gậy, Sắc đi đâu ? Làm gì ?
- Tại sao Hiền lại đi tìm em ?
- Sắc bị nạn, Hiền có cứu em không ?
- Tại sao Hiền được ban thưởng ?

2) Thực-hành tính tốt

Khuyến các em tập tính : thương chiều anh em, có hiếu với cha mẹ, sửa đổi tính xấu khi phạm lỗi.



Số : 17

HOÀNG - TỬ BẠCH - TÂN

- Nhân-vật :
- Hoàng-tử Bạch-Tân
 - Kha-La : Hoàng-tử Mông-Cổ
 - Công-chúa Ngọc-Dung
 - Bà kế-mẫu
 - Cung-nữ Phương-Ly
 - Người tuyết
 - Nhà vua

Đại ý :

Bạch-Tân là một trong các vị Hoàng-tử đến cầu hôn Ngọc-Dung Công-Chúa. Chàng có sứ-mạng gieo hạo với Ba-Tư. Trong khi đó, Bà kế mẫu độc ác của Ngọc-Dung Công-Chúa lập mưu cướp luôn nước Ba-Tư. Bà ta ra điều-kiện phải có viên ngọc tị hàn ở Hy-Mã-Lạp-Son mới cưới được Công-Chúa. Mặc dù đứng trước việc làm khó khăn nguy-hiểm, Bạch-Tân, với lòng quả-cảm và chí cương-quyết, đã lên tận non cao, thắng luôn cả người tuyết một cách oai hùng, đem viên ngọc trở về. Ngay lúc bà kế mẫu xúi tên Mông-Cổ giết vua đoạt ngai vàng, thì Bạch-Tân đã anh-dũng dùng gươm báu giết tên Mông-Cổ hung-bạo. Bà kế mẫu xấu hổ nhảy xuống lầu tự vận.

Dụng ý : Lòng dũng-cảm của người thanh-niên trước sự nguy-hiểm luôn luôn đưa đến thành-công. Kẻ bạo-tàn bao giờ cũng bị trừng-phạt.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải nghĩa từ-ngữ khó

- Tuổi trưởng-thành : tuổi đã lớn, sau khi đủ 18 tuổi
- Ngọc Ty-hàn : viên ngọc kỵ với sức lạnh
- Trận sống mái : trận đánh quyết-định sự sống chết.

SAU KHI PHÁT-THANH

1) Câu hỏi kiểm-soát

- Công việc của Hoàng-Tử Bạch-Tân với xứ Ba-Tu khó khăn như thế nào ?
- Bà kế-mẫu của Công-chúa Ngọc-Dung có ý định gì ?
- Bà ra điều-kiện gì mới cho cưới Công-chúa ?
- Bạch-Tân có ngại nguy-hiểm không ? Chàng làm gì ?
- Kết-quả việc làm của Hoàng-Tử Bạch-Tân ?
- Lúc Bạch-Tân đi vắng, bà kế-mẫu lập ra mưu kế gì ?
- Bạch-Tân có về kịp không ? Chàng đi đâu ? Sau đó, Bạch-Tân làm gì đối với tên Mông-Cổ ?
- Các em có biết nước Mông-Cổ ở đâu không ?
- Khí-hậu ở chỗ đó lạnh hay nóng mà người ta quý viên ngọc ty-hàn vậy ?

2) Thực-hành tính tốt

- Tập các em tính can-đảm, không sợ hãi khi gặp khó khăn. Gọi cho các em lòng yêu nước và gương hy-sinh như Hoàng-Tử Bạch-Tân trong chuyện kể.

Me Gà



MẸ GÀ CON VỊT

- Nhân-vật :
- Gà, vịt, chim
 - Ngọc-Hoàng
 - Ngọc-nữ
 - 1 vị quan
 - Thiên-lôi

Đại ý : Ngày xưa mặt trời còn ở gần trái đất nhưng vì loài người ăn ở bừa-bãi dơ bẩn nên Ngọc-Hoàng phạt đưa mặt trời lên thật cao. Sau đó, muôn loài sống tối tăm đói khát. Có 3 con thú : gà, vịt, chim, cùng đến thiên-đỉnh xin Ngọc-Hoàng ánh sáng, Ngọc-Hoàng thương tình ban cho nửa ngày sáng, nửa ngày tối. Từ đó, có lệ là mỗi khi gà gáy là trời sắp sáng và lúc chim hót là mặt trời đã lên cao.

Dụng ý : Tiếng gà gáy là báo hiệu trời sáng, phân biệt rõ rệt ban ngày và ban đêm. Vì nguyên-nhân đó nên câu ca-dao :
"Mẹ gà con vịt chít-chiu"

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải nghĩa từ-ngữ khó :

- Hỗn-dộn : lộn-xộn không có trật-tự
- Vệ-sinh : sạch sẽ, theo đúng các nguyên-tắc bảo-vệ sức khỏe
- Thiên-đỉnh : sân vua trên trời
- Thế-diện : mặt mày, hình sắc bên ngoài
- Ngọ môn : cửa chính vào trong thành vua, chỉ mở để tiếp rước các vua chúa trong những ngày lễ quan-trọng.

B.- SAU KHI PHÁT-THANH

1) Câu hỏi kiểm-soát :

- 1- Vì loài người ăn ở bừa bãi nên bị Ngọc-Hoàng trừng-phạt thế nào ?
- 2- Từ khi trời phạt, trái đất tối tăm u-ám, muôn loài sống ra sao ?
- 3- Lúc ấy ở trong rừng có 3 con vật gì nói chuyện với nhau ?
- 4- Gà, vịt và chim cùng nhau đi lên thiên-đỉnh để làm gì ?
- 5- Từ đó mỗi khi nghe tiếng gà gáy thì các em thấy gì ?
- 6- Và khi có tiếng chim hót líu-lo thì các em thấy mặt trời ra sao ?

2) Thực-hành tính tốt

Tập học-sinh tính biết đoàn-kết và tình tương thân tương trợ.



Số : 19

BA ÔNG GIÀ LÙN (I)

- Nhân-vật :
- Hạnh
 - Bà mẹ kế
 - Ông lùn râu trắng
 - Ông lùn râu đỏ
 - Ông lùn râu đen

Đại-y : Hạnh, mồ-côi cha mẹ, ở với bà mẹ kế ác-nghiệt. Một hôm, vào mùa đông, bà gạt Hạnh đi vào rừng kiếm trái dâu để Hạnh phải chết lạnh trong ấy. Nhưng cô gái hiền dịu đó gặp được ba ông tiên lùn và nhờ tính-tĩnh để thương, lễ độ và ngoan-ngoãn, nàng được ban thưởng xứng đáng.

Dụng ý : Người con hiếu thảo với cha mẹ thì bao giờ cũng được trời cao thấu hiểu và giúp đỡ tận tình.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải nghĩa từ-ngữ khó :

- Phù-hộ : giúp đỡ, che chở
- Đảm-đang : một mình làm hết tất cả công việc trong nhà
- Cầu-khẩn : cầu xin điều gì một cách thành thật.

- Bí-hiếm : khó hiểu, khó biết
- Tá-túc : ở nhờ khi lỡ bước giữa đường.

B.- SAU KHI PHÁT-THANH

1) Câu hỏi kiểm-soát

- Hạnh mồ-côi cha mẹ ở với ai ?
- Bà di ghẻ sai Hạnh đi đâu ?
- Hạnh vào rừng gặp ai ?
- Hạnh có đối xử lễ phép với ba ông già lùn không ?
- Về sau 3 ông thưởng cho Hạnh những gì ?

2) Thực-hành tính tốt

Dạy các em tập tính hiền lành dễ thương, lễ phép đối với mọi người và phải biết kính trọng, giúp đỡ người lớn tuổi.



BA ÔNG GIÀ LÙN (II)

- Nhân-vật :
- Hạnh
 - Hồng
 - Bà mẹ kế
 - Ba ông lùn
 - Hoàng-tử Anh-Tuấn.

Đại-ý : Hạnh trở về nhà, làm bà đi ghê vô cùng ngạc-nhiên. Mỗi lời Hạnh nói ra đều có một thoi vàng rơi xuống, càng làm cho bà ta kinh-ngạc. Thấy vậy, Hồng cũng bắt chước xách giỏ vào rừng. Nàng cũng gặp 3 ông già lùn, nhưng vì tính-tĩnh độc ác, hung dữ và vô lễ, nên nàng bị 3 ông trừng-phạt, mỗi lời nàng thốt lên là có rần rít nhảy ra. Nàng phải chịu sống cực khổ suốt đời và làm vợ một tên khùng xấu-xí. Bà đi ghê độc ác thì bị rần độc cắn chết, riêng Hạnh được làm vợ Hoàng Tử Anh-Tuấn trẻ đẹp.

Dụng ý : Người có tính độc ác, vô lễ với mọi người chung quanh luôn luôn bị Phạt Trời trừng-phạt đích-đáng.

A.- TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

Giải nghĩa từ-ngữ khó :

- Trố mắt : mở to hai mắt ra mà nhìn
- Kỳ dị : lạ lùng khác thường
- Giọng chanh chua : giọng nói gây gổ châm-biếm.
- Phục-dịch : hầu hạ
- Giai-nhân : người thiếu-nữ đẹp.

B.- SAU KHI PHÁT-THANH

1) Câu hỏi kiểm-soát

- Hạnh trở về nhà có làm cho bà đi ghê ngạc-nhiên không ?
- Mỗi lời Hạnh nói ra có cái gì ?
- Hồng bắt chước Hạnh đi đâu ?
- Gặp 3 ông già lùn đối xử với 3 ông thế nào ?
- Nàng bị 3 ông trừng-phạt ra sao ?

2) Thực-hành tính tốt

Nên tập tính hiền lành để được ban thưởng vì ăn ở độc ác thường bị trừng-phạt.

ĐỀ - NGHỊ - CHUNG

(áp-dụng cho tất cả các chuyện kể)

- 1/ Trước khi phát-thanh, Giáo-viên nói đại-ý và dụng-ý của mỗi chuyện cho học-sinh biết.
- 2/ Nhắc-nhở các em trong khi nghe phát-thanh :
 - Ngồi ngay-ngắn;
 - Giữ im lặng;
 - Không ghi chép.
- 3/ Hoạt-động trong lớp sau khi phát-thanh :
 - Giải-đáp các thắc-mắc của học-sinh;
Về sau này, Giáo-viên có thể viết thư hỏi :
Trung-Tâm Học-Liệu,
số 240 Trần-Bình-Trọng
Saigon, điện-thoại
số 93.642.
 - Hướng dẫn và giúp các em kể lại câu chuyện.



- MANG MÁY RAGIÔ VÀO LỚP CHO HỌC TRÒ
NGHE BỊ VỠ ĐÁNH...SAO VẬY CÀ?
- KHỔ QUÁ! NÓ CŨNG LÀ CỐ GIÁO MÀ
NHÀ CHỈ CÓ MỘT CÁI RA-GIÔ MỜ
CHẾT CHƯ...

V.- CHƯƠNG-TRÌNH

CHÚNG EM VUI HÁT

11. TRĂNG SÁNG TRĂNG TRONG
12. THẮNG TÍ SÚN
13. ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG
14. CON MUỖI ĐEN THUI
15. LÀNG EM
16. VUI CÙNG VUI
17. VUI CA NÚI NON
18. EM YÊU AI ?
19. CHIỀU TRÔNG CÔNG
20. CHIỀU QUÊ



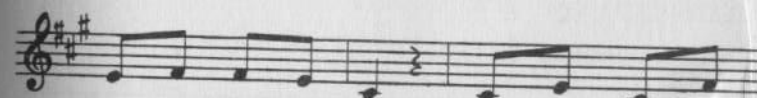
TRĂNG SÁNG TRĂNG TRONG



LÊ-THƯỜNG



Trăng sáng sáng trăng trong.



Trăng méo méo trăng tròn Dù trăng tỏ hơn



dèn, Sao chịu luôn dăm mây? Sáng trăng
sáng trăng



trong Soi chiều trong Càng thêm đẹp quê
đêm trường



hương Ta thêm lòng nhớ thương.

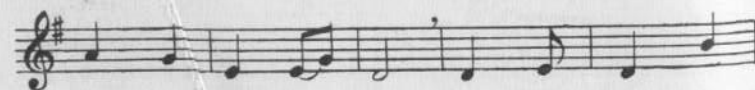


Moderato ♩: 60.

Từ và Nhạc HÙNG-LÂN



E! cái thằng Tý Sún Tý Sún! / Nhe cái

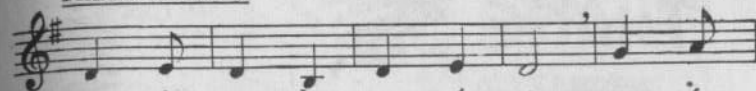


răng nham nhở chổi cùn. / Vì nó lười đánh

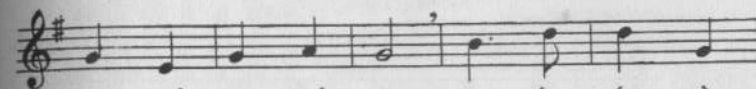


răng sớm tối, / Lại ăn kẹo suốt ngày không ngời!

PHIÊN-KHÚC 1



Anh Sún ơi! này nghe chúng tôi: / Chăm đánh



răng, cười trông mới tươi. / Răng với tóc là

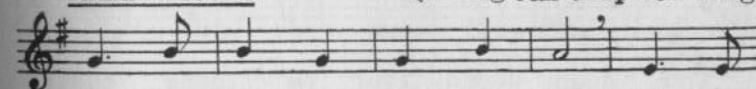


góc con người, / Răng có đẹp thì đời mới vui. /

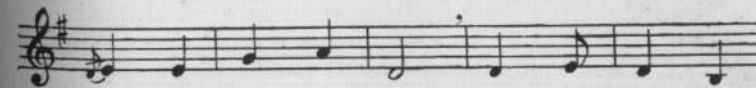
Trở lại ĐIẾP-KHÚC

PHIÊN-KHÚC 2

(Không cần chép lên bảng)



Nào có khó gì việc đánh răng? / Cầm bàn



chải tựa như kéo đàn. / Kem rất thơm ngọt



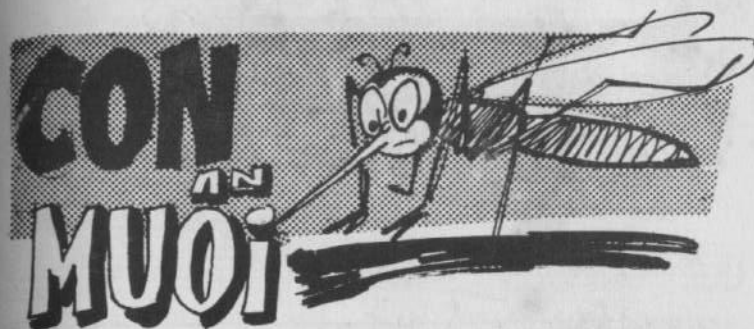
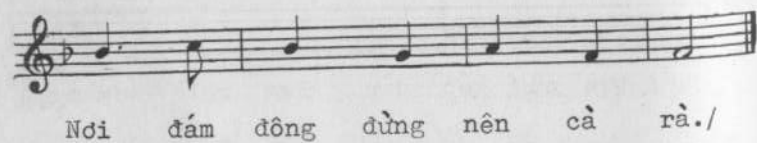
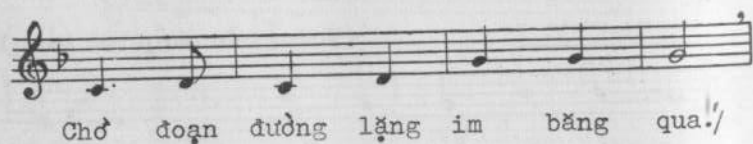
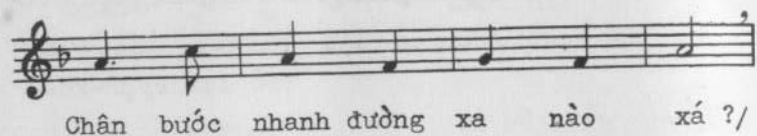
đâu có ngán? / Chỉ xoẹt xoẹt mấy cái là xong. /

Trở lại ĐIẾP-KHÚC

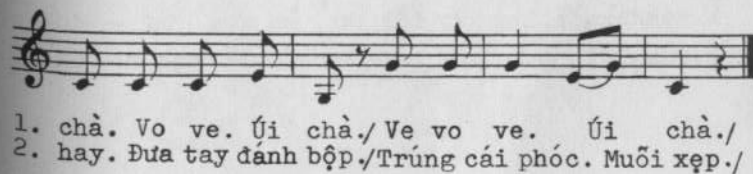
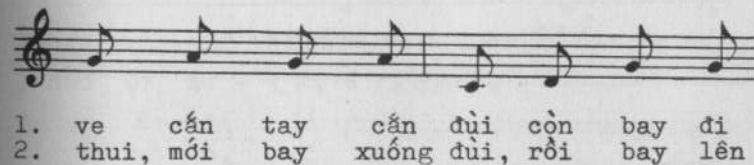


tức Thầy cô dặn

ANH-NAM



LE-THƯƠNG



LÀNG EM



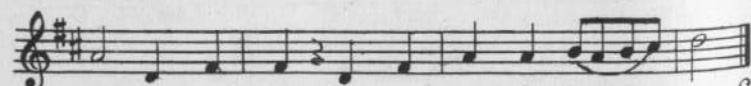
1. Làng em đây nằm trên bến Cửu-long
2. Làng em đây chợ công sở đứng hai



1. giang/Đồng minh mông, vườn cây lắm trái thơm
2. bên/Phòng thông-tin trạm y - tế kẻ bên



1. lãnh/người dân quê cày sâu cuốc bẫm quanh
2. đình/Trường em đây ngày hai buổi trẻ nô



1. năm/Cùng chung xây đời no ấm và tự - do/
2. đùa/Đời vui tươi lòng vang khúc nhạc âu - ca/

VUI CÙNG VUI

VINH-HẠNH



1. Vui cùng vui, cùng hát lên điệu hăng say,
2. Đi cùng đi, cùng quyết đi tìm Tự - Do,



1. Ca là ca những trang anh hùng tung lúdi gươm hùng
2. Tay cầm tay kết-liên hợp-đoàn ta tiến lên đường



1. Đi là đi là quyết xây dựng tương-lai.
2. Ca là ca bài hát can-trường hi-sinh.

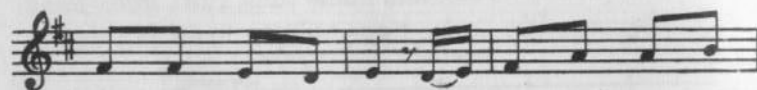


1. Đem tài-năng quyết tâm điếm tô non sông.
2. Vui cùng vui hát lên một bài ca vui.





Điệu đàn vui ca núi non sông rừng
Trong



lúc sáng reo bình minh/Qua lời vui ca đám



mây tươi hồng/Trong ánh sáng vui tung bừng/Điệu



Non xanh nước biếc, núi cao nơi chân trời



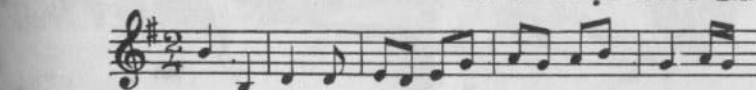
xa./Cảnh đời bao la chứa chan bao tình trong



ánh sáng tươi vui mừng./



Từ và Nhạc HÙNG-LAN



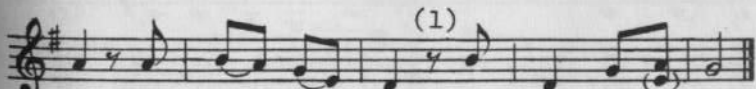
1. Nếu hỏi rằng: Em yêu
2. Nếu hỏi rằng: Em yêu
3. Nếu hỏi rằng: Em yêu



1. ai? / Thì em rằng em yêu Ba (nè)/Thì
2. ai? / Thì em rằng em yêu Ông (nè)/Thì
3. ai? / Thì em rằng yêu quê hương (nè)/Thì



1. em rằng em yêu Mẹ (nè)/Yêu chị yêu
2. em rằng em yêu Bà (nè)/Bác, Di, Cậu,
3. em rằng yêu mai Trường (nè)/Yêu Thầy, yêu



1. anh/Yêu hết cả nhà. Nhất là yêu Mẹ cơ!//
2. Cô/Yêu hết họ hàng. Nhất là yêu Bà cơ!//
3. Cô/Yêu hết cả Trường. Nhất là Cô giáo cơ!//

(1) Nói thêm chữ 'Nhưng' rồi ngừng lại, ra vẻ đắn đo suy nghĩ. Sau đó mới hát tiếp, chậm, diễn-tả



Dân-ca Jarai



1. Chiêng trống công mừng anh trên rẫy xuống
2. Tang tít tít đàn tre giầy nửa chực
3. Không đốt rừng làm đau hoa lá xốt
4. Chim sáng chiều mừng anh xây đắp quốc-



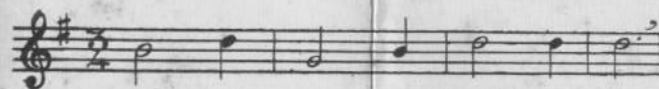
1. đội xuống nương đi cây. / Oi rừng ơi, núi
2. mừng các anh đi bừa. / Oi ruộng ơi, đất
3. lòng cái cây kơ - nĩa. / Oi rừng yêu mến
4. gia hát câu muôn đời. / Oi gạo ơi nước



1. ơi. / Oi thác suối ơi. / Rừng ơi núi ơi...
2. ơi. / Oi thác lúa ơi. / Ruộng ơi đất ơi...
3. ơi. / Oi gỗ quý ơi. / Rừng yêu mến ơi...
4. ơi. / Oi áo mới ơi. / Gạo ơi nước ơi...

Chiều Quê

ANH-NAM



Trên cánh đồng mùi hương thơm xa./



Con én chiều lượn bay là đà./



Bông lúa vàng mùi hương lan xa./



Tô thăm tỉnh mến quê đậm đà./

CHỈ - NAM

CHƯƠNG-TRÌNH 'THƯỜNG-THỨC ÂM-NHẠC'

Dành cho Bạc Tiểu-Học

--oOo--

Phụ trách : LÊ THƯỜNG
và HÙNG LÂN

- 11- GIỌNG HÁT
- 12- ĐÀN ĐỘC-HUYỀN VIỆT-NAM
- 13- ĐÀN TRANH
- 14- MĂNG-CẦM, BĂNG-CẦM
(Mandoline, Banjo)
- 15- TÂY-BAN-CẦM, HẠ-UY-CẦM
(Guitare espagnole,
Guitare hawaïenne)
- 16- VĨ-CẦM (Violon)
- 17- ĐÀN NHỊ, ĐÀN GÁO VIỆT-NAM
- 18- ĐÀN NGUYỆT, ĐÀN TỖ-BÀ
- 19- NHẠC-KHÍ BỘ NHỊP VIỆT-NAM:
Trống, Phách, Tiu, Đẩu,
Sênh-tiền.
- 20- DƯƠNG-CẦM (Piano)

CHỈ - NAM

Chương-trình : Thường thức Âm-nhạc

Đề-tài : GIỌNG HÁT

Lớp : Nhì và Nhất

I. TRƯỚC KHI PHÁT-THANH

- 1. Thầy (hoặc bảo một học-sinh tốt giọng) dùng chữ A hoặc TA hoặc TÌNH TÍNH TÍNH mà hát âm-diệu của một câu nhạc quen biết. Cho biết: như vậy, giọng hát của người ta có thể tạo được âm thanh như một nhạc-khí.

Hát cũng câu đó, nhưng với lời ca của nó: Giọng hát, ngoài việc tạo âm-thanh, còn diễn-tả được lời văn, cùng ý-nghĩa của nó. Không có nhạc-khí nào làm được như vậy.

- 2. Hát một câu, hoặc một bài thật ngắn, học-sinh đã biết. Cho biết: Hát một người như vậy thì gọi là ĐƠN-CA.
- 3. Hai, rồi nhiều học-sinh cùng hát với nhau chung một âm-diệu thì gọi là ĐỒNG-CA.
- 4. Khi một bài gồm có 2 hoặc nhiều âm-diệu khác nhau, kết-hợp vào nhau thì gọi là HỢP-CA. Mỗi âm-diệu gọi là một BÈ.

Khi bài hát có 2 bè thì gọi là SONG-CA.

Khi bài hát có 3 bè thì gọi là TAM-CA.

Khi bài có 4 bè thì gọi là TƯ-CA. v.v.v..

Mỗi bè có thể do nhiều người cùng hát.

Vậy, ĐỒNG-CA là nhiều người cùng hát chung một âm-diệu, hoặc một Bè; còn HỢP-CA là nhiều người hát nhiều âm-diệu, hoặc nhiều bè, kết hợp với nhau.

II. TRONG KHI PHÁT-THANH

Tuỳ theo lời dẫn trong bài phát-thanh, chỉ vào sơ-đồ tóm lược sau đây vẽ ở trên bảng:

Một âm-diệu (bè)	{	Một người hát: ĐƠN-CA
		Nhiều người hát: ĐỒNG-CA
Nhiều âm-diệu (bè)	{	Hai người hát: SONG-CA
		Ba người hát: TAM-CA
		Bốn người hát: TƯ-CA

III. SAU KHI PHÁT-THANH

- 1. Đặc-diểm của mỗi lối hát?

(Đơn-ca: nghe rõ lời ca, dễ hiểu, dễ nhận ra tài-nghệ của ca-sĩ. Đồng-ca: khó nghe rõ lời ca, nhưng gây tình đoàn-kết, hào-hung và nếp sống tập-thể. Hợp-ca: khó nghe rõ lời ca bài nhạc phong-phú, đầy đủ hơn, nhiều màu sắc hơn, tài-nghệ ca-sĩ cũng cao-siêu hơn nhiều.)

- 2. Trong những buổi CHÚNG EM VUI HÁT, khi cô giáo hát làm mẫu thì là ĐƠN-CA hay ĐỒNG-CA ? Khi học-sinh cùng nhau nhắc lại ?

- 3. Em thích Đơn-ca, hay Đồng-ca ? Tại sao ?

CHI - NAM

Chương trình : THƯỜNG THỨC
ÂM NHẠC

Đề-tài : ĐÓN ĐỌC HUỖN
'VIỆT-NAM'

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

- Vẽ hình dàn lên bảng và chỉ những bộ phận chánh : thùng, dây, cần có gắn bầu.

- Cất nghĩa riêng là dây đàn chỉ phát ra tiếng tại hai ba chỗ trên dây, thường là ở điểm "1 phần 3" hay là điểm "2 phần 3" của chiều dài.

- Cất nghĩa cách-thức nhấn ngón tay cái vào cái cần tre cho nó cong ra cong vào làm cho dây, khi căng khi chùng mà tạo ra những tiếng nỉ-non đẹp dễ.

- Lưu-ý học-sinh: đàn độc-huyền cũng gọi là đàn Bầu là thứ đàn đặc-biệt của V.N. mà cách khảy khéo léo ít có nước nào bằng.

- Dặn các em chăm chú nghe tiếng ngọt ngào của nó sắp tấu lên.

-(Đàn này chỉ thấy nói trong sách sử từ đời vua Thành-Thái mà thôi. Những nghệ-sĩ lang thang làm nghề Hát-xẩm đem nó từ Bắc vào kinh-đô Huế rồi sau mới vào Nam.)

II. TRONG KHI PHÁT THANH

Qua mỗi thí-dụ được lần-lượt phát ra, từ những tiếng rồi đặc-biệt đến những đoạn nhạc cổ-truyền từ vui buồn đậm thắm, tiếng

bảng khuôn đến bài Tân-nhạc, xem phản-ứng của học sinh xuất hiện trên nét mặt

III. SAU KHI PHÁT THANH

- Hỏi học sinh lại về các bộ phận chánh trên đàn gọi tên là gì ?

- Dây đàn có phát ra tiếng ở bất cứ chỗ nào không ?

- Nhạc-sĩ làm thế nào để nảy ra tiếng đàn nỉ non ?

- Các tiếng rồi vừa nghe được gọi như thế nào ?

- Đàn này được nói trong sách sử từ đời vua nào tại Việt-Nam ?

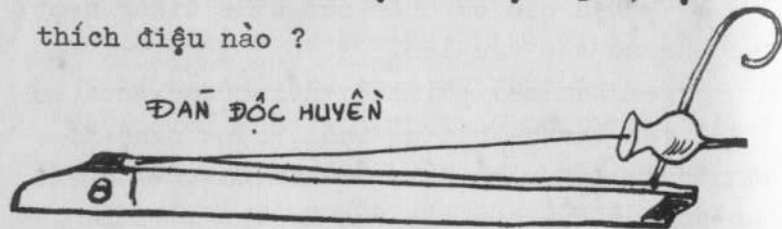
- Đờn độc huyền cũng có ở vài nước khác là nước nào ?

- Cách tấu đàn Độc huyền có khác người ngoài không ?

- Đặc tính của tiếng đàn Độc huyền để tả buồn hay tả vui ?

- Trong mấy điệu đã được nghe, học sinh thích điệu nào ?

ĐÀN ĐỘC HUYỀN



CHỈ - NAM

Chương-trình : THƯỜNG-THỨC
ÂM NHẠC

Đề-tài : ĐỜN TRANH và
ĐỜN KOTO

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

+ Vẽ hình đờn tranh lên bảng và chỉ các bộ phận chánh của đờn : thùng đờn, 16 dây, một đầu móc và 16 trục, một đầu xuyên qua 16 lỗ - ở khoảng giữa được nâng lên bởi 16 con nạm -

+ Chỉ cách khảy đàn bằng 2 hoặc 3 móng tay, hay móng đồng, tay mặt, ngón tay trái đặt lên khúc dây bên trái để nhấn, vuốt, rung dây.

+ Nhạc-sĩ ngồi thỉ để đờn lên đùi mà gẩy hoặc để đàn lên ván lên bàn. Tiếng đàn tranh nghe sang sảng thanh-tao vì dây bằng sắt.

+ Lưu ý trước là học-sinh sẽ nghe một số tiếng đặc-biệt của đàn tranh rồi đến bài đờn Cổ-truyền vui, buồn sẽ tấu lần lượt.

+ Đờn Koto của Nhật-Bổn cũng hơi giống đờn tranh nhưng chỉ có 7 dây hoặc 9 dây tơ và tiếng trầm âm hơn; chính nó là loại đờn-cầm mà triều-đình Việt-Nam cũng có dùng trong đời Hậu-Lê và đời Nguyễn.

II. TRONG KHI PHÁT THANH

+ Giữ sự im lặng để nghe thích giải về những tiếng đàn, những bài đàn và thưởng-thức những âm sắc của 2 thứ đàn dây đặc-biệt của Việt-Nam và Nhật-Bổn.

III. SAU KHI PHÁT THANH

+ Hỏi lại học-sinh về các bộ-phận đàn-tranh, cách khảy đàn.

+ Máy tiếng đặc-biệt của đàn tranh như nhấn, vuốt, rung, mổ có khác với tiếng đàn độc huyền mà ta đã nghe khảy.

+ Tiếng riu rít, như chuỗi âm từ cao xuống thấp gọi là tiếng gỏi (tiếng Á : tiếng này chỉ có đàn tranh mới có)

+ Tùy trình-độ học-sinh mà hỏi xem em nào biết những danh từ nhấn, rung, Mổ là gì ?

+ Bài vui trong nhạc cổ-truyền có 'giặt gân' như bài Tân nhạc không ?

+ Bài buồn trong nhạc cổ-truyền nghe có thấm-thía không ?

+ Đàn Koto của Nhật-Bổn giống đàn gỏi ? mà xưa kia Việt-Nam cũng có ?

+ Tiếng đàn Koto nghe trầm âm hay sang sáng ?

+ Khi đánh đàn tranh thì nhạc sĩ để đàn cách nào ?

+ Ngày nay đàn tranh có nhiều người học không ? Nam hay nữ ? nhất là ở trường nào ?

-----+++++-----

CHỈ - NAM

Chương-trình: THUỜNG-THỨC AM-NHẠC

Đề-tài : MĂNG-CẨM, BĂNG-CẨM

I. TRƯỚC KHI PHÁT-THANH:

A. Học-liệu chuẩn-bị:

Một cây Măng-cẩm (mandoline) và một cây băng-cẩm (banjo). Nếu không có thì vẽ hoặc là trưng hình vẽ 2 cây đàn đó. Tìm được hoặc vẽ được cả nhạc-sĩ đang đàn thì càng tốt.

B. Đại-ý bài phát-thanh:

1. Hình dáng, kích-thước cây măng-cẩm.

Khả-năng của nó

2. Hình-dáng, kích-thước cây băng-cẩm.

Khả-năng của nó.

3. Phân-biệt âm-thanh của mỗi cây:

Tiếng của măng-cẩm: ròn rã, sắc sảo, sáng sủa.

Tiếng của băng-cẩm: ròn rã, âm-áp hơn.

C. Từ-ngữ cần giải-thích trước:

- Măng-cẩm: phiên-âm chữ mandoline, cây đàn nhỏ, có 4 giây bằng kim-khí, gảy bằng một miếng sừng

- Băng-cẩm: phiên-âm chữ banjo, cây đàn nhỏ, cần dài, mặt đàn có căng một tấm da màu trắng, hình tròn, cũng gảy bằng miếng sừng

- Khả-năng: những âm-thanh, những vẻ đẹp

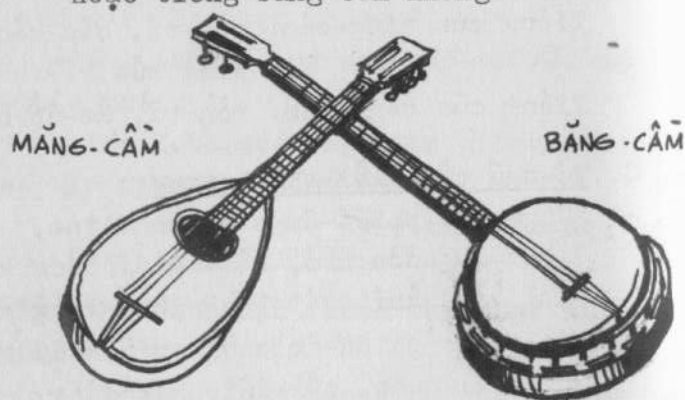
- mà một cây đàn có thể tạo được
- Kích-dộng-nhạc: loại nhạc gây nhộn nhịp sôi nổi.
 - Bí-quyết: mảnh khỏe, ngón đàn đặc-biệt được giữ kín.

II. ĐANG KHI PHÁT-THANH:

1. Đừng để học-sinh nói chuyện hoặc làm việc gì khác, mà phải chú-ý theo dõi.
2. Nếu học-sinh có theo điệu nhạc mà nhún nhảy đôi chút thì không sao, nhưng cầm ngặt làm ồn.

III. SAU KHI PHÁT-THANH: (Câu hỏi kiểm-soát)

1. Em thích tiếng đàn nào? Tại sao?
2. Em có biết một cây đàn cổ-truyền Việt-Nam nào có tiếng đàn tựa tiếng măng cầm hoặc tiếng băng-cầm không?



CHỈ - NAM

Chương-trình: THƯỜNG-THỨC ÂM-NHẠC

Đề-tài: TÂY-BAN-CẦM, HẠ-UY-CẦM

I. TRƯỚC KHI PHÁT-THANH:

A. Học-liệu chuẩn-bị:

Một cây Tây-ban-cầm (guitare espagnole) và một cây Hạ-uy-cầm (guitare hawaïenne).

Nếu không có đàn thì vẽ hoặc trưng hình ảnh 2 cây đàn đó lên bảng. Tìm được hoặc vẽ được cả nhạc-sĩ đang đàn thì càng tốt.

B. Đại-ý bài phát-thanh:

1. Hình-dáng, kích-thước cây Tây-ban-cầm, Khả-năng của nó.
2. Hình-dáng, kích-thước cây Hạ-uy-cầm. Khả-năng của nó.
3. Phân-biệt âm-thanh của mỗi cây:
Tiếng Tây-ban-cầm: phong-phú, rồi rào, âm áp.
Tiếng Hạ-uy-cầm: óng chuốt, lả lướt.

C. Từ-ngữ cần giải-thích trước:

- Tây-ban-cầm: phiên-dịch chữ Guitare espagnole, cây đàn lớn cỡ trung bình, có 4 giây bằng kim-khí, gảy bằng ngón tay hay bằng một miếng sừng.
- Hạ-uy-cầm: phiên-dịch chữ Guitare hawa-

ienne, cây đàn lớn cỡ trung, có 4 giây bằng kim-khí, khi đàn thả để nằm ngang trên 2 đầu gối tay mặt gảy bằng thứ móng bằng kim-khí, tay trái cầm một trục sắt, kéo lướt trên giây đàn mà uốn nắn tiếng đàn phát ra.

- Sắc-thái: màu vẽ
- Tây-ban-nha: một quốc-gia ở phía tây-nam châu Âu (Xác-định trên bản-đồ)
- Hạ-uy-di: quần-đảo ở giữa Thái-bình-dương một tiểu-bang của Hợp-chúng quốc Hoa-kỳ (Xác-định trên bản-đồ)

II. TRONG KHI PHÁT-THANH:

1. Học-sinh phải chú-ý theo dõi bài phát thanh, không được nói chuyện hoặc làm bất-cứ việc nào khác, nhất là làm ồn.
2. Bài phát-thanh nói đến cây đàn nào thì giáo-viên nên chỉ vào hình vẽ hoặc cho trông cây đàn đó.

III. SAU KHI PHÁT-THANH: (Câu hỏi kiểm-soát)

1. Trong 2 cây Tây-ban-cầm và Hạ-uy-cầm, em thích cây nào hơn? Tại sao?
2. Tiếng đàn phụ-họa cho buổi tập hát của chương-trình CHÚNG EM VUI HÁT mới phát thanh tuần-lễ trước là tiếng đàn gì?

CH Í - N A M

Chương-trình: THƯỜNG-THỨC ÂM-NHẠC

Đề-tài : VĨ-CẦM

I. TRƯỚC KHI PHÁT-THANH:

A. Học-liệu chuẩn-bị:

1. Một cây Vĩ-cầm (violon) và cây Cung (ar chet). Bằng không thì vẽ hoặc trưng lên hình vẽ 2 nhạc-cụ đó. Nếu tìm được hình có nhạc-sĩ đang đàn thì càng tốt.

2. Vẽ hoặc trưng-hình của Trung-vĩ-cầm (alto), hạ-vĩ-cầm (violoncelle), đại-vĩ-cầm (contrabasse). Cần giữ tỉ-lệ kích-thước từng cây.

B. Đại-ý bài phát-thanh:

1. Hình-dáng và kích-thước cây Vĩ-cầm. Khả-năng của nó.
2. Những cây đàn thuộc về cùng một loại:
 - Trung-vĩ-cầm: tiếng trầm hơn vĩ-cầm.
 - Hạ-vĩ-cầm: tiếng trầm hơn nữa.
 - Đại-vĩ-cầm: tiếng thật trầm.

C. Từ-ngữ cần giải-thích trước:

- Tuyệt-vời: khéo léo hay ho vô cùng.
- Tế-nhị : rất khó làm, phải nhẹ nhàng, khéo léo lắm mới được.
- Hào-hùng : hùng mạnh hăng hái.
- Mãnh-liệt: mạnh mẽ quả quyết.
- Trang-trọng: nghiêm-trang kính-cân.
- Quý-phái : sang và được kính-trọng.

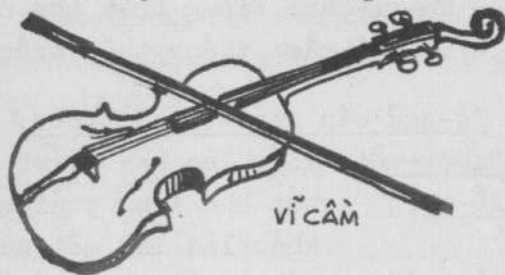
- Nhuân-nhã: dịu dàng êm ái.
- Du-dương: réo rắt hay ho.
- Tứ-tuyệt: một bộ gồm 4 nhạc-khí khác nhau, đồn hoà với nhau.
- Ban nhạc đại-hoà-tấu: ban nhạc lớn, gồm đủ các loại nhạc-khí, khoảng 40 cây trở lên.

II. TRONG KHI PHÁT-THANH:

1. Khi máy phát-thanh nói đến cây đồn nào hoặc bộ phận nào, giáo-viên chỉ cho học sinh theo dõi.
2. Bài này hơi khó thưởng-thức, cần chuẩn bị kỹ và rất chú-ý khi nghe phát-thanh

III. SAU KHI PHÁT-THANH: (Câu hỏi kiểm-soát)

1. Vĩ-cầm với Tây-ban-cầm, Măng-cầm, cây nào gần giống tiếng người ta nhút?
2. Cùng loại với vĩ-cầm còn có những nhạc khí nào? Cây nào có tiếng trầm nhất?



C H Ỉ - N A M

Chương-trình : THƯỜNG THỨC
AM NHẠC

Đề-tài : ĐỒN NHỊ, ĐỒN GÁO

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

+ Vẽ hình dàn lên bảng và chỉ các bộ-phận chính của dàn. Để ý riêng đến chỗ hai dây được lồi vào phía cần do một khoanh tròn gọi là cái "khuyết đàn".

+ Lồi cái khuyết đó lên hay xuống làm cho toàn bộ tiếng đàn lên bậc cao hay xuống bậc thấp. Thí dụ bài hát đang ca ở bậc thấp, mà muốn ca lên bậc cao thì nhạc-sĩ lồi khuyết đàn xuống một nấc, tức nhiên bài đàn lên bậc cao.

Dàn cò không khảy mà kéo ra tiếng. Cái cung kéo thường bằng mây, hai đầu được căng những sợi lông đuôi ngựa (mã-vĩ). Những sợi lông này căng thẳng và cọ xát vào miếng nhựa thông gọi là tùng chỉ gắn trên "ống dội âm" ngay ở đầu dây phía dưới.

+ Lưu ý học sinh đến "ống dội âm" là ống tròn ở đầu cần phía dưới. Ống đó bằng cây tiện tròn, một mặt bịt da trăn, trên da có mảnh tre mỏng để nâng dây đàn, một mặt để hở cho tiếng đàn thoát ra. Do "ống dội âm" ấy có hình khác nhau mà tên đàn thay đổi. Thí dụ, ống nhỏ mà loa ống hơi cụp vào thì gọi là đàn cò chỉ;

Ông dó bằng ống tre thì gọi là đàn hồ, hay nhị hồ, hay nôm na là Cò-tre; ông dó bằng một nửa gáo dừa thì gọi là cò-gáo.

Miền Nam gọi đàn này là đàn cò, miền Bắc lại gọi là đàn nhị (nhị là hai, tiếng dó gọi cây đàn có hai dây)

+ Trước khi phát thanh, lưu ý học sinh chăm chú nghe những tiếng đặc biệt của đàn nhị sắp diễn ra.

II. TRONG KHI PHÁT THANH

Giữ sự im lặng để nghe thích giải, những tiếng đàn, những đoạn nhạc và thưởng-thức những âm-sắc của hai thứ đàn cò : một là đàn cò thường tiếng nghe cao, hai là tiếng đàn cò gáo, nghe ồ ồ thấp hơn.

III. SAU KHI PHÁT THANH

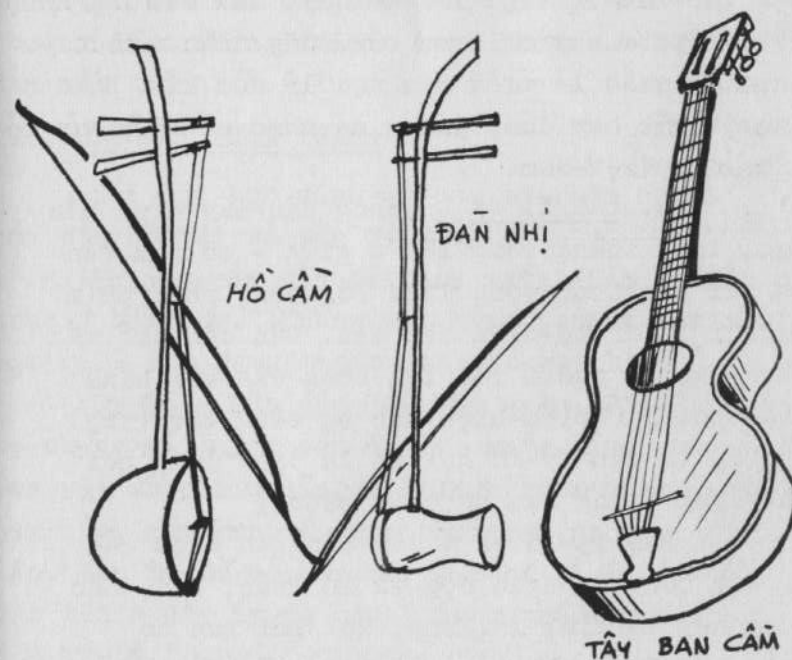
Hỏi lại học sinh về các bộ phận chính của đàn cò.

- Cần đàn dài hay ngắn - Đàn có mấy dây
- Cung kéo mắc những sợi dây gì ? Miếng nhựa thông gắn ở đâu ? Ông dọi âm làm bằng gì ? Khi ông bằng cây, đàn gọi tên gì ? Khi ông bằng tre thì đàn gọi tên gì ? Khi ông bằng gáo dừa thì đàn gọi tên gì ?
- Dò xem ý thích của học sinh về tiếng đàn cò.
- Nhân cơ hội cắt nghĩa thêm là :

- Đàn này được nghe trong những lúc như : ca-hát bài cổ-truyền, trên sân-khấu Hát-Bộ, sân-khấu cải-lương.

LỜI DÀN :

- Ngụ-ý của những câu hỏi hay sự dò xem ý-thích là gây thiện-cảm, với các thứ đàn Việt-Nam, bằng cách nêu những cái hay, cái đẹp riêng của nền nhạc dân-tộc và các nhạc-khí cổ-truyền.



CH Î - N A M

Chương trình : THUỞNG THỨC
ÂM NHẠC

Đề-tài : ĐỒN NGUYỆT và
+ ĐỒN TỖ BÀ

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

Vẽ hình đàn lên bảng và chỉ các bộ-phận chính của đàn :

1. ĐÀN NGUYỆT - Thùng đàn tròn giống hình mặt trăng nên gọi đàn Nguyệt. Cản đàn dài có 4 hay 2 trục để vắn dây. Xưa đàn Nguyệt có 4 dây tơ nay chỉ còn có 2 dây. Đàn này được nhạc sĩ, nhất là miền Nam, gọi là đờn kìm. Đàn Nguyệt rất hay dùng trong ca-nhạc cổ-điển và bình dân Việt-Nam.

2. ĐÀN TỖ BÀ - Thùng đàn này hình bầu dục, lưng thùng vồng lên ở giữa - cổ cần đàn có vài nấc tròn vồng lên. Đó không phải phím mà chỉ là để tô-điểm cần đàn. Đầu cần chỗ mắc dây ngả ra ngoài rồi lại cong vào với hình khắc con dơi biểu-hiệu cho sự sống lâu (Thọ) Các cụ tả đàn Tỳ-Bà gọi nó là đàn "lưng qui cổ-phụng" (lưng rùa cổ chim phụng)

Đàn Tỳ-Bà có 4 dây bằng tơ được các cụ đặt bốn tên nghe đẹp dễ là Trúc, Mai, Lan Tùng hay là Liễu, Xê, Xang, Hò. Đời xưa có nhiều người danh tiếng giỏi đàn Tỳ-Bà như nàng Chiêu-Quân, một cung nữ của vua Hán, nàng Dương-Quy-Phi, một mỹ nhân đời vua Đường-

Minh-Hoàng.

Tại HUẾ, trước đây cũng có nhiều người đàn bà giỏi đàn Tỳ-Bà. Ngày nay đàn Tỳ-Bà hơi ít thông-dụng.

- Trước phút phát thanh, lưu ý học-sinh chăm chú nghe những tiếng đặc-biệt của hai dây đàn Nguyệt và Tỳ-Bà.

II. TRONG KHI PHÁT THANH

Giữ sự im lặng để nghe giải thích những tiếng đàn, những đoạn nhạc, phân-biệt tiếng đặc-biệt của hai cây đàn Nguyệt và Tỳ-Bà và thưởng thức những âm-sắc khác nhau của hai đàn đó.

III. SAU KHI PHÁT THANH

Hỏi lại học sinh về các bộ phận chính của đàn Nguyệt và Đàn Tỳ-Bà.

Nguyệt-cản đàn dài hay ngắn. Đàn có mấy trục ? Mấy dây ? Thùng đàn hình tròn giống mặt gì ? Đàn Nguyệt còn gọi tên nào khác ?

Tỳ-Bà - Cản đàn dài hay ngắn. Ở cổ cần có những gì ? Đầu cần đàn có khắc hình con gì ? Con vật đó chỉ nghĩa gì ? Thùng đàn hình tròn hay hình nào khác ? Lưng thùng phẳng hay vồng lên. Đàn Tỳ-Bà có mấy dây ? Bằng gì ? Các cụ đặt tên 4 dây ấy ra sao ? Ngày xưa có ai giỏi đàn Tỳ-Bà ?

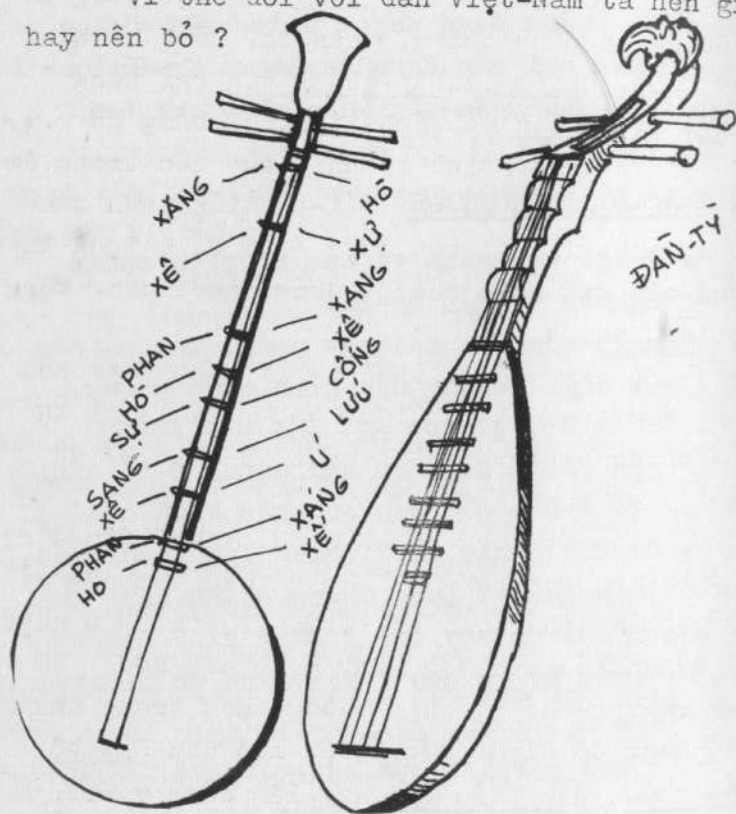
- Dò xem ý-thích của học-sinh về tiếng đàn Nguyệt và đàn Tỳ-Bà : Tiếng đàn nào có vẽ

hay hơn ?

Đàn nào, Nguyệt hay Tỳ, còn thông-dụng trong ca-nhạc Việt-Nam. Nếu được, hãy kể ra vài nơi thông-dụng đó (Sân-Khấu Cải-lương, Ca-nhạc tài-tử Vọng-cổ...)

Tóm tắt, đàn Việt-Nam, Nguyệt và Tỳ-Bà như những đàn khác với những giọng đặc-biệt có giúp cho âm-nhạc Việt-Nam giữ được vẻ đặc-sắc riêng không ?

Vì thế đối với dân Việt-Nam ta nên giữ hay nên bỏ ?



CHỈ - NAM

Chương trình : THƯỜNG THỨC
ÂM NHẠC

Đề-tài : NHẠC KHÍ BỘ NHỊP
VIỆT-NAM

1. TRƯỚC KHI PHÁT THANH

- Vẽ vài hình nhạc-khí bộ nhịp Việt-Nam lên bảng, chỉ tên và nói sơ qua về các chất làm ra nhạc-khí. Thí-dụ Trống thì mặt bằng da trâu, da bò căng thẳng, thân thì rỗng và bằng cây (gỗ). Chiêng, chập-chĩa, kiềng thì bằng đồng; mõ, phách và sênh-tiền thì bằng gỗ v.v..

- Lưu ý học sinh là nhịp rất cần trong âm-nhạc để giữ cho cử chỉ tài-tử diễn trên sân-khấu, nhất là khi múa, được đồng đều. Tụng kinh cũng cần giữ nhịp cho số đông người cùng tụng đọc đều nhau.

- Bộ nhịp còn giúp cho bài nhạc thêm màu sắc. Như trong bài nói về "âm thanh là gì" khỏi dẫu chương-trình Thường-thức âm-nhạc, ta đã biết âm-thanh do đồng, sắt, gỗ, tơ v.v... phát ra, có một thứ màu sắc khác nhau (âm-sắc) Vậy thí dụ ban nhạc chỉ dùng toàn đàn dây mà thêm trống phách, sênh, - tiền vào thì ban nhạc đó cũng nhiều màu sắc hơn, nghe hay hơn.

- Nhạc-Khí bộ nhịp thông-dụng trong những ban nhạc có điệu bước, điệu múa như Hát bộ, Hát chèo, Hát Châu Văn hay lên đồng v.v...

II. SAU KHI PHÁT THANH

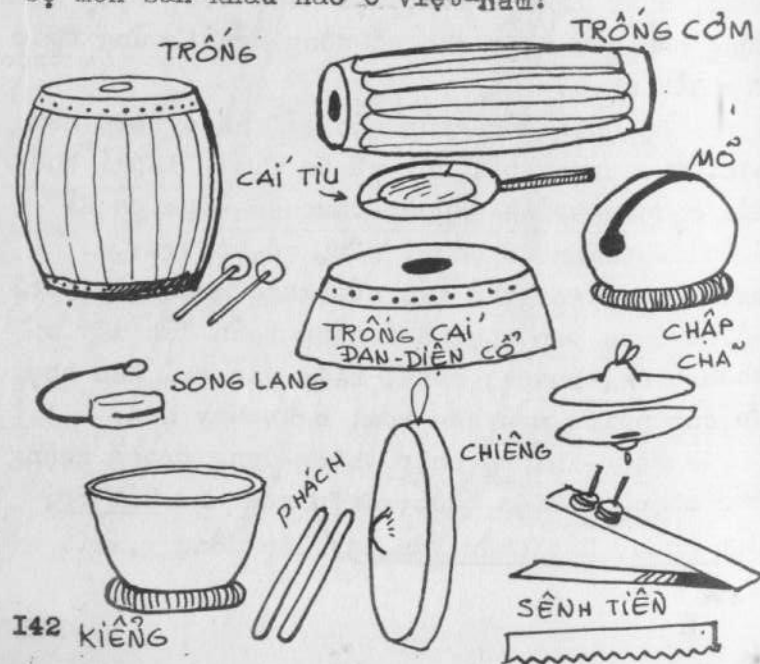
Hỏi lại học-sinh về tên gọi của những nhạc khí bộ nhịp Việt-Nam thông-dụng, những nhạc-khí đó làm bằng gì ?

Khuyến khích sáng-kiến của học-sinh bằng cách hỏi xem nên mô-tả tiếng mỗi nhạc-khí bằng hình-dung-từ nào. Thí dụ tiếng trống tung tung, tiếng thanh la phèng phèng tiếng mõ cóc cóc, tiếng trống cơm bục bục v.v..

Hỏi lại học sinh nhịp có cần cho âm-nhạc không ? để làm gì ? Thí dụ tại sân-khấu, khi tụng kinh.

Ban nhạc gồm những đàn dây mà có thêm trống Phách giữ nhịp thì âm thanh sẽ ra sao?

Nhạc khí bộ nhịp thông-dụng trong những bộ môn sân-khấu nào ở Việt-Nam?



CHỈ - NAM

Chương-trình: THƯỜNG-THỨC ÂM-NHẠC

Đề-tài : DƯƠNG-CẦM

I. TRƯỚC KHI PHÁT-THANH:

A. Học-liệu chuẩn-bị:

1. Vẽ hoặc trưng hình cây Dương-cầm (piano)
Hình đó có nhạc-sĩ đang đàn thì tốt hơn.

Cần nhất là chọn góc cạnh nào cho thấy được bàn phím (clavier) với các phím đen, phím trắng; không cần thấy trọn vẹn bàn phím, một khoảng thôi cũng đủ.

2. Trưng hình có Dương-cầm hoà-nhạc với các nhạc-khí khác, để học-sinh phân-biệt kích-thước và vai trò của Dương-cầm.

B. Đại-ý bài phát-thanh:

1. Hình-dáng và vai trò của Dương-cầm trong làng nhạc-khí. Khả-năng của nó.
2. Cách xử-dụng.

C. Từ-ngữ cần giải-thích trước:

- Vĩ-đại : to lớn khác thường.
- Tuyệt-diệu: khéo léo tốt đẹp hoàn-toàn.
- Tương-tự: giống như vậy.
- Khảo-cứu: tìm tòi suy xét để hiểu rõ.
- Phổ-thông: được nhiều người biết, dùng.
- Năng-khiếu: tài-năng riêng trời cho.
- Phức-tạp : rắc rối khó khăn nhiều bề.

II. TRONG KHI PHÁT-THANH:

Dương-cầm, tương-đối dễ thưởng-thức hơn
Vĩ-cầm, vì được dùng đến nhiều hơn. Tuy-nhiên
đối với học-sinh nơi thôn quê, Dương-cầm vẫn
là một nhạc-khí xa lạ.

III. SAU KHI PHÁT-THANH: (Câu hỏi kiểm-soát)

1. Dương-cầm là cây đàn lớn hay nhỏ. Có thể
đem theo mình được không?
2. Khi đàn dương-cầm, ngón tay của nhạc- sĩ
có gảy thẳng vào giây đàn không?
3. Dương-cầm có mấy thứ phím?

